

KẾT QUẢ MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH KHÓA 254

TRƯỜNG DU LỊCH - ĐẠI HỌC HUẾ

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTX		QT	ĐT	TB	CC	KTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú		
							L1	L2					L1	L2																			HP	HP2
1	25D4070001	Nguyễn Nhã Yến	Châu	01/01/2007	TT Huế	DLETT K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	7.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.3	8.0	8.0	9.0	8.4	7.0	7.6	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.4	7.2	Khá	
2	25D4070002	Lê Hồng	Chiến	08/01/2006	Hà Tĩnh	DLETT K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	4.0	.	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	.	.	.	
3	25D4070004	Hoàng Hải	Đặng	24/07/2007	TT Huế	DLETT K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	5.0	9.0	7.5	8.0	7.8	8.0	6.0	8.0	7.5	0.0	.	.	.		
4	25D4070005	Nguyễn Quỳnh	Giang	02/05/2007	Quảng Nam	DLETT K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	5.0	5.8	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	10.0	8.0	8.0	8.5	6.0	7.0	7.4	Khá		
5	25D4070007	Dương Thị Thu	Hiền	16/06/2007	TT Huế	DLETT K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	5.0	6.5	7.5	Khá		
6	25D4070011	Nguyễn Phước Hoàng	Long	25/03/2007	TT Huế	DLETT K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	10.0	9.0	9.4	4.0	.	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	.	.		
7	25D4070012	Nguyễn Ngọc	Minh	04/12/2007	TT Huế	DLETT K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	6.0	8.0	7.5	6.0	6.6	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.6	Khá		
8	25D4070013	Trần Hoàng	Nam	24/05/2006	TP. HCM	DLETT K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0	8.0	9.0	8.5	10.0	9.4	8.1	Khá		
9	25D4070014	Lê Văn Long	Nghĩa	24/05/2007	TT Huế	DLETT K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	9.0	9.0	5.0	6.6	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	7.4	Khá		
10	25D4070015	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	06/04/2007	TT Huế	DLETT K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	8.0	7.6	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.1	Khá		
11	25D4070016	Nguyễn Hoàng Thảo	Nguyễn	13/08/2007	Quảng Trị	DLETT K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	8.0	8.0	7.0	7.6	6.0	6.5	9.0	8.0	9.0	8.6	9.0	8.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.3	Khá		
12	25D4070019	Võ Thanh	Quân	13/11/2007	TT Huế	DLETT K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4				0.0		.				0.0	.	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	6.2	.	Xếp KO học 2.3		
13	25D4070020	Phan Văn	Quang	08/11/2007	TT Huế	DLETT K59	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	5.0	6.6	10.0	8.0	8.0	8.5	10.0	9.4	7.8	Khá		
14	25D4070021	Đặng Anh	Quốc	27/07/2007	TT Huế	DLETT K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	8.0	8.6	5.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.2	Khá		
15	25D4070022	Trần Bạch Như	Quỳnh	21/04/2007	TT Huế	DLETT K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	9.0	7.0	8.0	8.0	0.0	.	.	.		
16	25D4070024	Trần Minh	Sang	19/08/2007	Quảng Trị	DLETT K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	9.0	8.6	5.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.4	Khá		
17	25D4070025	Nguyễn Xuân	Tâm	15/10/2007	TT Huế	DLETT K59	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.6	4.0	.	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.	.		
18	25D4070026	Đình Việt	Thái	11/11/2007	TT Huế	DLETT K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.7	Khá		
19	25D4070027	Nguyễn Gia	Thành	26/01/2007	Hà Nội	DLETT K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.6	5.0	6.5	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.2	Khá		
20	25D4070029	Trần Hữu	Tiến	10/08/2006	TT Huế	DLETT K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	9.0	8.6	3.0	.	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.	.		
21	25D4070030	Hồng Nhật	Toàn	24/10/2007	TT Huế	DLETT K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	8.0	7.0	8.0	7.0	7.3	10.0	8.0	7.0	8.1	6.0	6.9	10.0	8.0	9.0	9.0	9.0	9.0	7.9	Khá		
22	25D4070031	Bạch Thị Bảo	Trần	20/08/2007	TT Huế	DLETT K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.1	Khá		
23	25D4070032	Đoàn Phước Ngọc	Trần	06/11/2007	TT Huế	DLETT K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	6.0	9.0	8.3	9.0	8.7	8.1	Khá		
24	25D4040005	Mai Thị Kim	Anh	15/05/2007	TT Huế	Du lịch 1 K59	10.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	10.0	7.0	8.0	8.1	8.0	8.1	10.0	8.0	8.0	8.5	8.0	8.2	8.1	Khá		

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú										
							L1	L2					L1	L2																			HP	HP1	HP	HP2	TX	HP	HP3	TX	HP	HP4
25	25D4040003	Đỗ Thị Phương	Anh	31/01/2007		Du lịch 1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	5.0	8.0	7.1	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	7.6	Khá										
26	25D4040008	Nguyễn Thị Lan	Anh	18/05/2007	TT Huế	Du lịch 1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	8.0	Khá										
27	25D4040013	Võ Văn Nhật	Anh	16/09/2007	TT Huế	Du lịch 1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.5	Khá								
28	25D4040023	Nguyễn Thị Kim	Chi	23/02/2007	Hà Tĩnh	Du lịch 1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.3	Khá										
29	25D4040029	Võ Thị	Diễm	13/05/2006	Quảng Nam	Du lịch 1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	7.0	8.0	7.6	9.0	8.6	9.0	8.0	6.0	7.5	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.2	Khá										
30	25D4040034	Nguyễn Thị Thu	Hà	16/06/2007	Quảng Trị	Du lịch 1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	9.0	8.5	9.0	7.0	8.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	7.7	Khá										
31	25D4040040	Nguyễn Mlô Khánh	Hiền	17/11/2007	Đắk Lắk	Du lịch 1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	8.0	8.5	8.0	8.2	7.5	Khá										
32	25D4040043	Trần Minh	Hiếu	23/08/2007	Khánh Hòa	Du lịch 1 K59	10.0	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	8.0	7.8	4.0		9.0	8.0	9.0	8.6	6.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.8	0.0													
33	25D4040045	Hoàng Thị	Hoa	10/01/2007	Đắk Lắk	Du lịch 1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	7.9	Khá										
34	25D4040049	Vũ Thị Kim	Hoàng	21/11/2006	Quảng Nam	Du lịch 1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0		9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1			VQC HP3									
35	25D4040052	Lê Phú Quang	Hung	19/03/2007	TT Huế	Du lịch 1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.7	Khá										
36	25D4040060	Nguyễn Hoàng Nhật	Khánh	01/09/2007	TT Huế	Du lịch 1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	7.0	8.0	7.9	6.0	6.8	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0													
37	25D4040063	Huỳnh Văn	Kiệt	26/03/2007	TT Huế	Du lịch 1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	9.0	8.6	6.0	7.1	8.0	7.0	9.0	8.3	9.0	8.7	7.3	Khá										
38	25D4040066	Phạm Thị	Lệ	26/09/2007	Quảng Bình	Du lịch 1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	7.0	7.0	7.2	9.0	8.5	9.0	7.0	8.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.1	Khá										
39	25D4040070	Nguyễn Thị Khánh	Linh	10/08/2007	TT Huế	Du lịch 1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.2	Khá										
40	25D4040080	Đào Hữu	Lực	08/07/2007	TT Huế	Du lịch 1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.4	Khá									
41	25D4040087	Hồ Uyên	My	06/02/2007	TT Huế	Du lịch 1 K59	10.0	7.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	10.0	8.0	9.0	8.9	8.0	8.4	10.0	9.0	7.0	8.3	9.0	8.7	7.8	Khá										
42	25D4040084	Đàm Thị Hà	My	12/09/2007	Quảng Bình	Du lịch 1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	8.0	7.0	8.0	7.6	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.6	5.0	6.5	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.0	Khá										
43	25D4040101	Hoàng Thị Thảo	Nguyễn	13/06/2007	Quảng Trị	Du lịch 1 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	10.0	6.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.7	Khá										
44	25D4040107	Phùng Hữu Minh	Nhật	15/11/2007	TT Huế	Du lịch 1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	7.0	8.0	7.8	5.0	5.8	8.0	9.0	8.0	8.4	7.0	7.6	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.3	7.0	Khá										
45	25D4040116	Trịnh Lê Yên	Nhi	03/05/2007	Thanh Hóa	Du lịch 1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	8.0	7.0	7.6	9.0	8.6	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0													
46	25D4040108	Hồ Võ Thùy	Nhi	26/09/2007	TT Huế	Du lịch 1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.7	Khá										
47	25D4040121	Huỳnh Thị Mỹ	Oanh	20/03/2007	Đà Nẵng	Du lịch 1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	7.0	8.0	7.6	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.2	Khá										
48	25D4040124	Phạm Phước Phi	Phụng	25/08/2006	Đà Nẵng	Du lịch 1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	7.0	7.0	7.5	6.0	6.6	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.3	Khá										
49	25D4040127	Nguyễn Thị Uyên	Phương	10/04/2007	TT Huế	Du lịch 1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	6.0	7.0	7.1	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0													
50	25D4040130	Nguyễn Hữu	Quân	31/07/2007	Đà Nẵng	Du lịch 1 K59	9.0	6.0	7.0	7.0	6.0	6.3	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	7.0	6.0	8.0	7.3	8.0	7.7	7.0	Khá										
51	25D4040133	Lê Việt	Quảng	20/01/2007	TT Huế	Du lịch 1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	7.0	8.0	7.9	6.0	6.8	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	7.1	Khá										
52	25D4040139	Phạm Thị Hồ Diễm	Quỳnh	28/05/2007	TT Huế	Du lịch 1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.9	Khá										
53	25D4040141	Phan Thị Trúc	Quỳnh	19/08/2007	TT Huế	Du lịch 1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	9.0	9.0	9.0	5.0	6.6	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0													
54	25D4040145	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	10/03/2007	Đà Nẵng	Du lịch 1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.4	Khá										
55	25D4040152	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	06/01/2007	Quảng Trị	Du lịch 1 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.6	5.0	6.5	10.0	8.0	9.0	9.0	9.0	9.0	7.9	Khá										
56	25D4040160	Nguyễn Trần Anh	Thư	27/01/2007	TT Huế	Du lịch 1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	8.0	7.0	7.0	7.2	9.0	8.5	9.0	7.0	8.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.1	Khá										

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
							L1	L2					L1	L2																			HP
89	25D4040081	Nguyễn Thị Ly	26/12/2007	Thanh Hóa	Du lịch 2 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	4.0		8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0		9.0	7.0	7.0	7.5	5.0	6.0			VPGC tập 3	
90	25D4040086	Hồ Thị Trà My	23/02/2007	TT Huế	Du lịch 2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.2	9.0	8.0	9.0	8.6	5.0	6.5	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.6	Khá		
91	25D4040088	Phan Thị Hà My	08/10/2007	TT Huế	Du lịch 2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	7.2	7.8	Khá		
92	25D4040098	Nguyễn Như Ngọc	19/01/2007	Quảng Bình	Du lịch 2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	8.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0					
93	25D4040102	Phan Cao Nguyễn	04/06/2007	Nghệ An	Du lịch 2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.8	7.5	Khá	
94	25D4040112	Nguyễn Thị Vân Nhi	05/02/2007	TT Huế	Du lịch 2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	7.0	8.0	8.0	6.0	6.8	7.5	Khá		
95	25D4040118	Võ Hồ Đông Nhi	24/12/2007	TT Huế	Du lịch 2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.2	6.0	6.4	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	Khá		
96	25D4040119	Phạm Lê Quỳnh Như	10/10/2007	Quảng Nam	Du lịch 2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	7.0	8.0	7.6	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	6.0	8.0	7.8	6.0	6.7	7.1	Khá		
97	25D4040125	Đoàn Ngọc Phước	24/11/2007	TT Huế	Du lịch 2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	9.0	5.0	8.0	7.5	9.0	8.4	8.1	Khá		
98	25D4040131	Phan Bá Quân	12/03/2007	Hà Tĩnh	Du lịch 2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	5.0	8.0	7.1	9.0	8.3	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	8.1	7.9	Khá		
99	25D4040132	Lê Doãn Quang	28/10/2007	Hà Tĩnh	Du lịch 2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.6	Khá		
100	25D4040135	Trần Thị Thục Quyên	12/11/2007	TT Huế	Du lịch 2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	6.0	9.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0					
101	25D4040137	Đào Như Quỳnh	24/06/2007	TT Huế	Du lịch 2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0					
102	25D4040142	Sử Như Quỳnh	14/07/2007	TT Huế	Du lịch 2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	Khá		
103	25D4040138	Hồ Thị Như Quỳnh	04/09/2007	TT Huế	Du lịch 2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	7.0	9.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	8.5	7.9	Khá		
104	25D4040144	Nguyễn Thị Thanh Tâm	15/10/2007	TT Huế	Du lịch 2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	7.0	9.0	8.0	8.1	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	8.0	Khá		
105	25D4040147	Đoàn Phương Thanh	29/04/2007	Hà Nội	Du lịch 2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	5.0	5.7	8.0	7.0	8.0	7.6	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	7.0	7.8	0.0					
106	25D4040149	Lý Thị Thảo	13/09/2007	Đắk Lắk	Du lịch 2 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	6.0	8.0	7.5	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.5	8.0	8.2	8.0	Khá		
107	25D4040155	Huỳnh Ngọc Thịnh	15/01/2007	TT Huế	Du lịch 2 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	10.0	7.0	9.0	8.8	0.0					
108	25D4040161	Phạm Thị Minh Thư	04/09/2007	TT Huế	Du lịch 2 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	6.0	8.0	7.5	6.0	6.6	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	7.4	Khá		
109	25D4040172	Nguyễn Thùy Trâm	01/11/2007	Bình Định	Du lịch 2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	7.0	9.0	9.0	8.5	9.0	8.8	9.0	9.0	10.0	9.5	9.0	9.2	8.5	Giỏi		
110	25D4040173	Trần Thị Ngọc Trâm	14/07/2007	Đà Nẵng	Du lịch 2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	10.0	5.0	8.0	7.4	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.5	0.0					
111	25D4040171	Nguyễn Thị Bích Trâm	15/05/2007	Quảng Nam	Du lịch 2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.4	Khá		
112	25D4040174	Cao Nguyễn Huyền Trang	20/12/2007	TT Huế	Du lịch 2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.4	Khá		
113	25D4040185	Võ Trần Văn Trường	24/05/2007	TT Huế	Du lịch 2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.8	Khá		
114	25D4040188	Phan Thị Minh Tuệ	13/04/2007	TT Huế	Du lịch 2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.6	Khá		
115	25D4040196	Đỗ Thị Thùy Vân	06/10/2007	TT Huế	Du lịch 2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.4	Khá		
116	25D4040207	Lê Phương Vy	13/09/2007	TP HCM	Du lịch 2 K59	10.0	7.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	10.0	7.0	8.0	8.1	8.0	8.1	10.0	8.0	7.0	8.0	0.0					
117	25D4040205	Đỗ Hà Vy	13/12/2007	Thanh Hóa	Du lịch 2 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	5.0	5.8	8.0	7.0	8.0	7.6	6.0	6.5	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	8.5	7.0	Khá		
118	25D4040210	Trần Lê Yến Vy	02/01/2007	Bình Dương	Du lịch 2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	10.0	9.0	8.0	8.9	7.0	7.8	10.0	8.0	7.0	8.0	0.0					
119	25D4040208	Nguyễn Tường Vy	21/06/2007	Quảng Nam	Du lịch 2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	7.0	9.0	8.5	7.0	7.6	7.5	Khá		
120	25D4040001	Trần Ngọc Trâm Anh	26/09/2007	TT Huế	QTDLRKS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	3.0		9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	5.0	9.0	8.0	7.6	7.0	7.3	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8				

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú
							L1	L2					L1	L2																		
121	25D4080002	Trần Nhật Anh	03/02/2007	TT Huế	QTDLAKS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	8.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.6	9.0	9.0	8.0	8.6	3.0	.	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	.		
122	25D4080003	Trần Quý Anh	05/02/2007	TT Huế	QTDLAKS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	5.0	8.0	7.5	8.0	7.8	7.9	Khá	
123	25D4080005	Bùi Xuân Bách	06/06/2007	Hà Nội	QTDLAKS K59	9.0	8.0	7.0	7.8	1.0	.	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	1.0	.	9.0	7.0	9.0	8.5	7.0	7.6	.		
124	25D4080006	Hoàng Lê Quốc Bảo	15/10/2007	Quảng Nam	QTDLAKS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	8.0	7.0	8.0	7.6	6.0	6.5	9.0	9.0	8.0	8.6	1.0	.	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	.		
125	25D4080008	Trần Nguyễn Thùy Dương	23/12/2007	TT Huế	QTDLAKS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	9.0	10.0	9.5	0.0	.	.		
126	25D4080009	Hồ Thị Mỹ Duyên	28/01/2007	TT Huế	QTDLAKS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.3	Khá	
127	25D4080011	Võ Thị Mỹ Duyên	29/04/2007	Quảng Nam	QTDLAKS K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.6	9.0	8.6	9.0	7.0	8.0	7.9	7.0	7.4	9.0	9.0	7.0	8.0	0.0	.	.		
128	25D4080012	Lê Nguyễn Hoàng Hải	28/09/2007	Quảng Nam	QTDLAKS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	5.0	6.5	9.0	7.0	7.0	7.5	9.0	8.4	7.3	Khá	
129	25D4080013	Trần Châu Bảo Hân	05/07/2007	TT Huế	QTDLAKS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.5	Khá	
130	25D4080014	Trần Thị Thúy Hằng	20/01/2007	Nghệ An	QTDLAKS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	9.0	9.0	9.0	10.0	9.6	7.7	Khá	
131	25D4080015	Đoàn Thị Thu Hiền	30/04/2007	TT Huế	QTDLAKS K59	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	7.7	Khá	
132	25D4080017	Đỗ Lê Khang Huy	21/01/2007	Quảng Nam	QTDLAKS K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.6	9.0	8.0	8.0	8.3	1.0	.	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	.		
133	25D4080018	Dương Thị Thanh Huyền	31/12/2007	Hà Tĩnh	QTDLAKS K59	9.0	8.0	7.0	7.8	4.0	.	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	8.0	8.5	9.0	8.8	.		
134	25D4080019	Tôn Thất Nhật Kha	04/04/2007	TT Huế	QTDLAKS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.6	6.0	7.1	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.7	Khá	
135	25D4080020	Phan Thị Mỹ Lệ	11/07/2007	TT Huế	QTDLAKS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	7.0	9.0	8.0	8.1	6.0	6.9	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.4	Khá	
136	25D4080021	Hồ Thị Mỹ Linh	25/06/2007	TT Huế	QTDLAKS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	5.0	6.5	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.5	Khá	
137	25D4080023	Hoàng Thị Khánh Linh	22/11/2007	TT Huế	QTDLAKS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	Khá	
138	25D4080024	Trần Thị Thùy Linh	16/12/2007	TT Huế	QTDLAKS K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	7.8	Khá	
139	25D4080022	Hồ Thị Mỹ Linh	14/07/2007	TT Huế	QTDLAKS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0	.	.		
140	25D4080025	Phan Văn Long	01/06/2007	Hà Tĩnh	QTDLAKS K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	4.0	.	10.0	7.0	8.0	8.3	9.0	8.7	.		
141	25D4080028	Nguyễn Thị Ngọc Minh	11/02/2007	Quảng Nam	QTDLAKS K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	5.0	9.0	7.5	7.0	7.2	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	7.5	Khá	
142	25D4080027	Hồ Quang Minh	07/04/2007	Đà Nẵng	QTDLAKS K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	6.0	7.4	6.0	6.4	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	6.0	8.0	7.5	10.0	9.0	7.9	Khá	
143	25D4080029	Ngô Thị Kiều My	10/04/2007	TT Huế	QTDLAKS K59	10.0	7.0	8.0	8.0	5.0	5.9	10.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.2	10.0	9.0	9.0	9.3	5.0	6.7	9.0	9.0	10.0	9.5	9.0	9.2	7.3	Khá	
144	25D4080031	Văn Hữu Nhật	10/12/2007	TT Huế	QTDLAKS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	6.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0	.	9.0	7.0	9.0	8.5	7.0	7.6	.		VPOC HP3
145	25D4080040	Trương Thảo Nhi	28/04/2007	TT Huế	QTDLAKS K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	9.0	8.0	8.5	8.0	8.2	7.6	Khá	
146	25D4080032	Hồ Thị Xuân Nhi	19/02/2007	TT Huế	QTDLAKS K59	10.0	8.0	7.0	8.0	7.0	7.3	10.0	9.0	8.0	8.8	8.0	8.2	10.0	9.0	9.0	9.3	7.0	7.9	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	Khá	
147	25D4080036	Phạm Thị Thuỳ Nhi	04/11/2007	TT Huế	QTDLAKS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	10.0	9.5	8.0	8.6	8.1	Khá	
148	25D4080039	Phạm Thị Yến Nhi	04/06/2007	Ninh Bình	QTDLAKS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.4	Khá	
149	25D4080033	Lê Thị Uyên Nhi	04/12/2007	TT Huế	QTDLAKS K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.6	9.0	8.6	9.0	6.0	9.0	7.9	7.0	7.4	9.0	9.0	6.0	7.5	7.0	7.2	7.5	Khá	
150	25D4080037	Phạm Thị Yến Nhi	12/02/2007	TT Huế	QTDLAKS K59	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	9.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	7.2	Khá	
151	25D4080039	Phan Nữ Kiều Nhi	25/11/2007	TT Huế	QTDLAKS K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	5.0	9.0	7.5	7.0	7.2	9.0	9.0	7.0	8.0	9.0	8.6	7.7	Khá	
152	25D4080042	Phạm Đặng Quỳnh Như	08/04/2007	Quảng Nam	QTDLAKS K59	9.0	8.0	7.0	7.8	4.0	.	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	.		

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú					
							L1	L2					L1	L2																			HP	HP1	HP2	HP3	HP4
							HP	HP1					HP2	HP3																			HP4				
153	25D4080041	Cao Thị Quỳnh	Như	07/08/2007	Quảng Bình	QTDL&KS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	6.0	8.0	7.5	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.5	0.0	.	.							
154	25D4080044	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	16/05/2007	Quảng Nam	QTDL&KS K59	9.0	7.0	7.0	7.4	5.0	5.7	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	7.0	9.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	7.0	8.0	9.0	8.6	7.3	Khá					
155	25D4080045	Đoàn Thảo	Phương	06/06/2007	TT Huế	QTDL&KS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.2	Khá				
156	25D4080046	Nguyễn Minh	Phương	12/09/2007	TT Huế	QTDL&KS K59	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	10.0	9.0	8.0	8.8	8.0	8.2	10.0	8.0	8.0	8.5	8.0	8.2	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.0	Khá					
157	25D4080047	Phan Trần Diệu	Phương	22/10/2006	TT Huế	QTDL&KS K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	6.0	9.0	7.9	6.0	6.8	7.0	9.0	6.0	7.0	8.0	7.6	7.3	Khá					
158	25D4080048	Phan Thị Lâm	Quý	30/08/2007	TT Huế	QTDL&KS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	9.0	8.0	9.0	8.8	10.0	9.5	7.1	Khá					
159	25D4080051	Trịnh Thị	Quỳnh	18/06/2007	TP. HCM	QTDL&KS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.5	0.0	.	.						
160	25D4080050	Ngô Võ Diễm	Quỳnh	07/09/2007	TT Huế	QTDL&KS K59	9.0	7.0	7.0	7.4	5.0	5.7	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	5.0	9.0	7.5	6.0	6.6	9.0	8.0	7.0	7.8	0.0	.	.						
161	25D4080052	Nguyễn Ngọc Giáng	Sinh	25/12/2007	Quảng Nam	QTDL&KS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	9.0	10.0	9.5	9.0	9.2	8.2	Khá					
162	25D4080053	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	09/09/2007	Quảng Bình	QTDL&KS K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.6	9.0	8.6	9.0	6.0	9.0	7.9	9.0	8.6	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	Khá					
163	25D4080054	Trương Thị	Thắm	12/01/2007	Quảng Trị	QTDL&KS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	9.0	8.8	8.0	8.2	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.1	Khá					
164	25D4080058	Phan Anh	Thư	18/09/2007	TT Huế	QTDL&KS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	9.0	10.0	9.5	7.0	8.0	6.9	Trung bình					
165	25D4080059	Đỗ Thị Thùy	Tiên	08/12/2007	TT Huế	QTDL&KS K59	9.0	7.0	8.0	7.8	5.0	5.8	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.2	Khá					
166	25D4080062	Võ Ngọc Bảo	Trần	20/10/2007	TT Huế	QTDL&KS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.5	Khá					
167	25D4080064	Nguyễn Trần Thảo	Trang	28/11/2007	TT Huế	QTDL&KS K59	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	9.0	8.0	8.5	0.0	.	.						
168	25D4080065	Phạm Thùy	Trang	15/03/2007	Hà Tĩnh	QTDL&KS K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.0	Khá					
169	25D4080063	Ngô Hà	Trang	01/04/2007	Quảng Bình	QTDL&KS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	8.0	7.0	7.0	7.2	6.0	6.4	9.0	9.0	9.0	9.0	4.0	.	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.						
170	25D4080066	Dương Thị Mỹ	Trinh	30/01/2007	TT Huế	QTDL&KS K59	9.0	8.0	7.0	7.8	5.0	5.8	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.0	Khá					
171	25D4080067	Hoàng	Trung	18/10/2007	TT Huế	QTDL&KS K59	9.0	8.0	7.0	7.8	5.0	5.8	8.0	8.0	6.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	9.0	9.0	2.0	.	9.0	7.0	7.0	7.5	0.0	.	.						
172	25D4080068	Văn Phú	Trương	10/01/2007	TT Huế	QTDL&KS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	8.0	8.0	6.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	9.0	9.0	5.0	6.6	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.2	Khá					
173	25D4080073	Trần Anh	Vũ	16/10/2007	Quảng Trị	QTDL&KS K59	9.0	7.0	8.0	7.8	5.0	5.8	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	6.9	Trung bình					
174	25D4080074	Huỳnh Thị Hạ	Vy	22/04/2007	Quảng Trị	QTDL&KS K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	9.0	10.0	9.5	8.0	8.6	7.2	Khá					
175	25D4010006	Dương Việt	Anh	15/12/2007	Hà Nội	QTDV&L&LH K59	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	10.0	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	10.0	8.0	9.0	9.0	0.0	.	.					
176	25D4010008	Bùi Trần Phương	Anh	21/08/2007	TT Huế	QTDV&L&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	7.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0	Khá					
177	25D4010029	Trần Thị Hồng	Ánh	10/12/2006	TT Huế	QTDV&L&LH K59	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	6.0	7.0	9.0	7.5	9.0	8.4	8.0	9.0	8.0	8.3	0.0	.	.						
178	25D4010035	Trương Thị Dạ Băng	Băng	17/01/2007	TT Huế	QTDV&L&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	10.0	8.0	8.0	8.4	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.6	Khá				
179	25D4010039	Trương Ngọc Quốc	Bảo	10/09/2007	TT Huế	QTDV&L&LH K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	8.0	9.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.6	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.4	Khá				
180	25D4010040	Hoàng Tấn	Bình	01/12/2007	Quảng Trị	QTDV&L&LH K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	7.0	9.0	8.5	0.0	.	.						
181	25D4010044	Hồ Vỹ	Cầm	12/03/2006	Quảng Ngãi	QTDV&L&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	8.0	8.0	9.0	8.5	5.0	6.4	7.4	Khá					
182	25D4010051	Phan Thị Thùy	Châu	11/11/2007	TT Huế	QTDV&L&LH K59	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	7.6	Khá					
183	25D4010060	Đoàn Dương Hải	Đặng	25/08/2007	Quảng Bình	QTDV&L&LH K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	8.0	9.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.2	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	8.0	Khá				
184	25D4010067	Ngô Thị	Định	16/05/2007	Quảng Nam	QTDV&L&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.4	Khá					

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú							
							L1	L2					L1	L2																			HP	HP1	HP2	TX	HP	HP3	TX
185	25D4010069	Đoàn Mai Hoàng	Dung	23/09/2007	TT Huế	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	2.0	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	8.0	9.0	8.4	7.0	7.6	9.0	9.0	8.0	8.5	0.0	.	.									
186	25D4010075	Trương Quang	Dũng	11/06/2007	TT Huế	QTDVĐL&LHH K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	8.0	8.0	8.3	4.0	.	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	.								
187	25D4010081	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	26/04/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	6.7	Trung bình							
188	25D4010090	Trần Thị Hương	Giang	21/09/2007	Quảng Trị	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	7.7	Khá							
189	25D4010097	Trương Thị	Hà	15/05/2007	TT Huế	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	7.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.								
190	25D4010120	Cáp Doãn	Hiếu	18/10/2007	Quảng Trị	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	9.0	6.0	9.0	8.3	7.0	7.5	6.9	Trung bình							
191	25D4010127	Phạm Thị	Hoa	15/03/2007	TT Huế	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.6	Khá							
192	25D4010129	Nguyễn Thị Khánh	Hòa	15/11/2007	TT Huế	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	7.0	7.8	3.0	.	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	9.0	8.0	8.5	9.0	8.8	.								
193	25D4010132	Nguyễn Thị Thanh	Hoài	29/08/2007	Quảng Trị	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	8.0	9.0	8.0	8.4	6.0	7.0	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.0	Khá							
194	25D4010141	Dương Gia	Hưng	28/07/2007	Bình Định	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	9.0	8.4	9.0	8.8	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	8.2	Khá							
195	25D4010145	Hoàng Thị Thiên	Hương	07/06/2007	TT Huế	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	2.0	.	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	4.0	.	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	.								
196	25D4010168	Phạm Thị	Huyền	19/08/2007	Quảng Bình	QTDVĐL&LHH K59	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.8	6.0	7.1	7.7		Khá								
197	25D4010177	Nguyễn Trần Quang	Khánh	10/11/2007	TT Huế	QTDVĐL&LHH K59	10.0	7.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	6.2	9.0	5.0	9.0	8.0	8.0	8.0	7.0	Khá							
198	25D4010178	Phan Ngọc	Khánh	05/02/2007	Hải Phòng	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	10.0	9.0	9.4	8.0	8.6	8.0	9.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.9	Khá							
199	25D4010186	Nguyễn Anh	Kiệt	20/11/2007	TT Huế	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	7.0	7.8	5.0	5.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.3	Khá							
200	25D4010189	Trần Thị Kim	Lài	14/08/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.6	Khá							
201	25D4010207	Trần Nguyễn Diệu	Linh	19/09/2007	TT Huế	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	7.0	7.8	1.0	.	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	9.0	8.0	8.4	6.0	7.0	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.								
202	25D4010203	Nguyễn Thị Huyền	Linh	19/08/2007	TT Huế	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.2	Khá							
203	25D4010214	Lê Thị Kiều	Loan	03/11/2007	Quảng Trị	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	8.0	8.6	5.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.								
204	25D4010216	Lê Việt	Lộc	07/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LHH K59	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.4	8.0	8.2	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.9	Khá							
205	25D4010217	Trần Văn	Lộc	01/08/2006	TT Huế	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	7.0	7.8	5.0	5.8	9.0	9.0	8.0	8.6	5.0	6.5	9.0	5.0	9.0	8.0	9.0	8.6	6.8	Trung bình							
206	25D4010225	Nguyễn Thị Khánh	Ly	17/11/2007	TT Huế	QTDVĐL&LHH K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	4.0	.	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	.								
207	25D4010234	Hồ Ngọc My	My	06/12/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	9.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.5	Khá							
208	25D4010251	Đinh Kiều Ni	Na	17/03/2007	Quảng Ngãi	QTDVĐL&LHH K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.3	Khá							
209	25D4010255	Lê Thị Mai	Na	27/12/2007	Quảng Bình	QTDVĐL&LHH K59	10.0	8.0	8.0	8.4	1.0	.	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	9.0	8.0	8.5	9.0	8.8	.								
210	25D4010262	Lê Hoàng Hoài	Nam	27/06/2006	TT Huế	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.8	9.0	5.0	9.0	8.0	5.0	6.2	6.8	Trung bình							
211	25D4010272	Lương Thị Thu	Ngân	08/04/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.8	Khá							
212	25D4010277	Đào Lê Bảo	Ngọc	13/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	10.0	8.0	8.8	8.0	8.3	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.2	Khá							
213	25D4010294	Trần Nguyễn Hạnh	Nguyễn	08/08/2007	TT Huế	QTDVĐL&LHH K59	9.0	7.0	8.0	7.8	1.0	.	9.0	7.0	6.0	7.0	7.0	7.0	8.0	9.0	9.0	8.8	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.								
214	25D4010291	Lê Thị Thảo	Nguyễn	14/09/2007	Đà Nẵng	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	10.0	9.5	8.4	Khá							
215	25D4010305	Nguyễn Văn Minh	Nhật	04/03/2007	TT Huế	QTDVĐL&LHH K59	9.0	7.0	7.0	7.4	5.0	5.7	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	8.0	9.0	8.0	8.4	5.0	6.4	9.0	5.0	9.0	8.0	8.0	8.0	6.4	Trung bình							
216	25D4010319	Phan Ngọc	Nhi	17/05/2007	TT Huế	QTDVĐL&LHH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	1.0	.	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.								

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú										
							L1	L2					HP	HP1																			L1	L2	HP	HP2	TX	HP	HP3	TX	HP	HP4
217	25D4010309	Dương Thị Hà	Nhi	25/04/2007	Quảng Nam	QTDVDL&LH1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	2.0	.	9.0	8.0	7.0	7.8	2.0	.	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	9.0	7.0	9.0	8.5	6.0	7.0	.											
218	25D4010347	Trương Quỳnh	Nhi	15/05/2007	TT Huế	QTDVDL&LH1 K59			0.0		.	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0				0.0		.				0.0		.	.			Báo lưu									
219	25D4010351	Nguyễn Thị Ánh	Như	25/04/2007	TT Huế	QTDVDL&LH1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	0.0	.	.											
220	25D4010353	Trương Quỳnh	Như	15/05/2007	TT Huế	QTDVDL&LH1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	8.0	9.0	8.0	8.4	5.0	6.4	9.0	8.0	9.0	8.8	5.0	6.5	6.3		Trung bình									
221	25D4010357	Lê Thị Hồng	Nhung	07/06/2007	Quảng Trị	QTDVDL&LH1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	3.0	.	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.2	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	.											
222	25D4010361	Nguyễn Thị Thùy	Nhung	29/09/2007	TT Huế	QTDVDL&LH1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	3.0	.	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	.											
223	25D4010376	Trần Hữu	Phúc	13/09/2007	TT Huế	QTDVDL&LH1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	9.0	8.6	5.0	6.5	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.1		Khá									
224	25D4010406	Lê Thị Khoa	Quỳnh	25/10/2005	TT Huế	QTDVDL&LH1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	7.0	7.9	7.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.											
225	25D4010416	Bùi Trần Ngọc	Sao	01/05/2007	TT Huế	QTDVDL&LH1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.9		Khá									
226	25D4010436	Trần Văn	Thái	01/01/2007	Hà Tĩnh	QTDVDL&LH1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	8.0	9.0	8.0	8.4	7.0	7.6	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.5		Khá									
227	25D4010447	Phạm Thanh	Thảo	07/02/2007	TT Huế	QTDVDL&LH1 K59	10.0	7.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	8.0	7.0	7.8	5.0	5.8	8.0	8.0	9.0	8.4	5.0	6.4	9.0	5.0	10.0	8.5	6.0	7.0	6.5		Trung bình									
228	25D4010479	Nguyễn Thị	Thương	26/06/2006	Ken Tum	QTDVDL&LH1 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	5.0	6.6	10.0	5.0	10.0	8.8	9.0	8.9	7.6		Khá									
229	25D4010484	Lê Thị	Thùy	12/06/2007	Hà Tĩnh	QTDVDL&LH1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	9.0	8.8	5.0	6.5	7.1		Khá									
230	25D4010491	Dương Thị Thùy	Tiên	06/06/2007	TT Huế	QTDVDL&LH1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	8.0	7.0	8.0	7.8	0.0	.	.											
231	25D4010501	Nguyễn Hữu Thanh	Toàn	25/10/2007	TT Huế	QTDVDL&LH1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.6		Khá									
232	25D4010503	Đình Ngọc Bảo	Trâm	22/08/2007	Quảng Bình	QTDVDL&LH1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	8.0	8.6	3.0	.	9.0	6.0	8.0	7.8	8.0	7.9	.											
233	25D4010516	Bùi Hoàng Khánh	Trang	03/04/2007	TT Huế	QTDVDL&LH1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	5.0	8.0	7.1	7.0	7.1	9.0	8.0	9.0	8.8	7.0	7.7	7.7		Khá									
234	25D4010534	Phạm Trần Minh	Trí	01/08/2007	Quảng Nam	QTDVDL&LH1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.8		Khá									
235	25D4010549	Trần Thị Phương	Trinh	19/11/2007	Quảng Bình	QTDVDL&LH1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	3.0	.	9.0	9.0	7.0	8.2	9.0	8.8	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	.											
236	25D4010541	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh	19/08/2007	TT Huế	QTDVDL&LH1 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	0.0	.	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.4	9.0	7.0	9.0	8.5	0.0	.	.			VPGC Hp2								
237	25D4010572	Hoàng Thị Khánh	Vân	15/04/2007	TT Huế	QTDVDL&LH1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	6.0	8.0	7.5	7.0	7.2	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.3	7.5		Khá									
238	25D4010583	Ngô Thị Khánh	Vi	03/05/2007	Quảng Trị	QTDVDL&LH1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	2.0	.	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	.											
239	25D4010601	Nguyễn Thị Bảo	Vy	15/06/2007	TT Huế	QTDVDL&LH1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	7.0	9.0	8.5	6.0	7.0	7.5		Khá									
240	25D4010596	Lê Thị Tường	Vy	18/07/2007	Đà Nẵng	QTDVDL&LH1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.1		Khá									
241	25D4010612	Hoàng Thị Như	Ý	27/10/2007	TT Huế	QTDVDL&LH1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	8.0	8.0	9.0	8.4	4.0	.	9.0	6.0	9.0	8.3	0.0	.	.											
242	25D4010621	Tạ Thị Hoàng	Yến	30/06/2007	Đà Nẵng	QTDVDL&LH1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	9.0	8.0	8.4	7.0	7.6	9.0	6.0	9.0	8.3	0.0	.	.											
243	25D4010023	Trần Thị Lan	Anh	16/12/2007	Quảng Nam	QTDVDL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	10.0	8.0	9.0	7.0	7.8	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.9		Khá									
244	25D4010009	Lê Ngọc Hoàng	Anh	02/12/2007	Nghệ An	QTDVDL&LH2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	5.0	5.8	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	8.0	8.0	9.0	8.4	6.0	7.0	9.0	9.0	8.0	8.5	0.0	.	.											
245	25D4010005	Đào Văn	Anh	09/12/2007	TT Huế	QTDVDL&LH2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	6.0	9.0	8.3	9.0	8.7	7.6		Khá									
246	25D4010031	Trương Thị Ngọc	Ánh	29/08/2007	TT Huế	QTDVDL&LH2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	6.0	9.0	8.3	7.0	7.5	7.4		Khá									
247	25D4010046	Trương Thị Nguyệt	Châm	29/11/2007	Gia Lai	QTDVDL&LH2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	6.2	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.4		Khá									
248	25D4010052	Phan Thùy Bảo	Châu	12/10/2007	Phủ Yên	QTDVDL&LH2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	6.0	9.0	8.3	0.0	.	.											

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
							L1	L2					L1	L2																			HP
249	25D4010050	Nguyễn Trần Bảo Châu	23/06/2007	Long An	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	4.0	.	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	.			
250	25D4010058	Hoàng Văn Chương	05/09/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	9.0	8.0	8.0	8.3	10.0	9.3	7.5	Khá		
251	25D4010082	Nguyễn Thị Kỳ Duyên	15/01/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	9.0	8.0	8.5	7.0	7.6	7.8	Khá		
252	25D4010096	Trần Thị Thu Hà	10/03/2007	Quảng Trị	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	8.0	9.0	7.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.5	10.0	9.4	8.3	Khá		
253	25D4010109	Ngô Hoa Hồng Hạnh	13/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	10.0	8.0	8.0	8.5	7.0	7.6	10.0	8.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.9	Khá		
254	25D4010115	Lê Thị Thu Hậu	24/03/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	8.0	8.4	4.0	.	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	.			
255	25D4010128	Bùi Quang Thị Thái Hòa	20/12/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	3.0	.	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.0	9.0	8.5	6.0	7.0	.			
256	25D4010140	Hoàng Phi Hùng	23/09/2007	Nghệ An	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	8.0	8.0	9.0	8.4	6.0	7.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.0	Khá		
257	25D4010147	Nguyễn Thị Diệu Hương	11/04/2007	Quảng Trị	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	9.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.1	Khá		
258	25D4010150	Võ Thị Thu Hương	02/06/2007	Quảng Bình	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.0	Khá		
259	25D4010159	Nguyễn Văn Huy	05/01/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	6.8	Trung bình		
260	25D4010173	Trần Thị Huyền	10/12/2006	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	7.0	7.8	3.0	.	9.0	10.0	8.0	9.0	7.0	7.8	8.0	8.0	9.0	8.5	0.0	.	.			
261	25D4010204	Nguyễn Thị Mỹ Linh	29/12/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.6	Khá		
262	25D4010205	Nguyễn Thị Nhật Linh	23/03/2007	Quảng Trị	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.9	Khá		
263	25D4010200	Lê Thị Ngọc Linh	23/01/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	6.0	7.0	9.0	7.5	7.0	7.2	8.0	9.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.5	Khá		
264	25D4010220	Nguyễn Đức Lương	22/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	Khá		
265	25D4010231	Trần Nguyễn Hoài Mi	31/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	3.0	.	6.0	10.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	8.0	8.5	8.0	8.2	.			
266	25D4010239	Nguyễn Thị Diệu My	23/08/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	9.0	9.0	8.0	8.5	0.0	.	.			
267	25D4010252	Huỳnh Thị Na Na	20/08/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.8	5.0	5.8	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.5	Khá		
268	25D4010264	Nguyễn Hữu Nhật Nam	09/11/2005	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	10.0	9.0	9.1	6.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.0	Khá		
269	25D4010281	Lâm Thị Hồng Ngọc	24/03/2007	Thanh Hóa	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	10.0	8.0	9.0	7.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	0.0	.	.			
270	25D4010280	Huỳnh Bùi Minh Ngọc	07/11/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	6.0	9.0	8.0	7.9	9.0	8.6	8.0	9.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.1	Khá		
271	25D4010295	Trần Văn Nguyễn	03/06/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	7.0	7.8	5.0	5.8	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	9.0	8.0	8.0	8.3	10.0	9.3	7.2	Khá		
272	25D4010290	Huỳnh Thị Thảo Nguyễn	24/05/2007	Bà Nà	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.2	9.0	6.0	9.0	8.3	8.0	8.1	7.6	Khá		
273	25D4010292	Nguyễn Hữu Phương Nguyễn	08/11/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	6.0	9.0	8.0	7.9	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	10.0	9.6	8.1	Khá		
274	25D4010300	Nguyễn Thị Thanh Nhân	19/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.			
275	25D4010301	Trương Thị Thanh Nhân	26/06/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH2 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	7.0	7.0	7.4	5.0	5.7	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.3	Khá		
276	25D4010314	Lê Linh Nhi	29/08/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	10.0	9.0	8.0	8.9	7.0	7.8	10.0	8.0	8.0	8.5	8.0	8.2	7.8	Khá		
277	25D4010313	Hoàng Thị Ngọc Nhi	21/11/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.9	Khá	
278	25D4010340	Phan Thị Yến Nhi	04/06/2007	Quảng Trị	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.8	7.6	Khá		
279	25D4010311	Hoàng Thị Kiều Nhi	26/02/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	5.0	6.0	10.0	8.0	8.0	8.4	3.0	.	10.0	10.0	8.0	9.3	8.0	8.5	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	.			
280	25D4010316	Lê Quỳnh Nhi	29/08/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.4	7.7	Khá		

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú										
							L1	L2					L1	L2																			HP	HP1	HP	HP2	TX	HP	HP3	TX	HP	HP4
281	25D4010329	Nguyễn Thị Ý	Nhi	19/07/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	6.0	7.0	8.0	7.1	8.0	7.7	8.0	9.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.8	Khá											
282	25D4010342	Phan Thị Yến	Nhi	27/12/2007	Quảng Trị	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	4.0	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	.												
283	25D4010355	Hoàng Ngọc Phương	Nhung	08/09/2005	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	8.0	8.0	8.4	6.0	6.7	6.0	10.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0	Khá											
284	25D4010369	Nguyễn Phước Bảo	Pháp	24/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.0	Khá										
285	25D4010378	Trần Duy	Phước	01/10/2007	Hà Tĩnh	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	10.0	8.0	7.0	8.0	5.0	5.9	9.0	8.0	9.0	8.6	6.0	7.1	10.0	7.0	9.0	8.8	10.0	9.5	7.7	Khá										
286	25D4010384	Võ Hoàng Hoài	Phương	07/01/2007	Ninh Bình	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	10.0	8.0	9.0	6.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.											
287	25D4010409	Phạm Thị Như	Quỳnh	31/05/2006	Quảng Trị	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	6.2	9.0	6.0	9.0	8.3	8.0	8.1	7.5	Khá										
288	25D4010408	Lê Thị Xuân	Quỳnh	01/01/2007	Thanh Hóa	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	10.0	8.0	9.0	6.0	7.2	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.6	Khá										
289	25D4010417	Phạm Nguyễn Như	Sen	20/09/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.6	Khá										
290	25D4010421	Lê Thị Thu	Sương	09/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.9	Khá										
291	25D4010426	Lê Việt	Tài	15/09/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	9.0	8.0	8.4	6.0	7.0	9.0	7.0	9.0	8.5	10.0	9.4	7.7	Khá										
292	25D4010439	Nguyễn Thị	Thanh	12/08/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH2 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	10.0	9.0	9.0	9.3	7.0	7.9	8.0	9.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.9	Khá										
293	25D4010443	Hồ Nguyên	Thào	12/04/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	9.0	9.0	8.0	8.5	7.0	7.6	7.5	Khá										
294	25D4010462	Lê Thị Minh	Thư	16/03/2007	Đà Nẵng	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.7	Khá										
295	25D4010463	Lê Thị Minh	Thư	11/03/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.8	5.0	5.8	6.0	10.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	10.0	9.2	7.5	Khá										
296	25D4010468	Nguyễn Thị Minh	Thư	31/05/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	3.0	9.0	10.0	9.0	9.4	8.0	8.6	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	.												
297	25D4010485	Ngô Thị	Thủy	16/02/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	10.0	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	10.0	8.0	7.0	8.0	6.0	6.6	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	10.0	8.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.9	Khá										
298	25D4010489	Ngô Trương Bảo	Thy	08/12/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	Khá										
299	25D4010492	Lê Thị Cẩm	Tiên	26/07/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	6.2	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.											
300	25D4010499	Lê Thị Thùy	Tiên	19/04/2007	Nghệ An	QTDVĐL&LH2 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.1	Khá										
301	25D4010495	Trần Đình Việt	Tiên	15/03/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.4	9.0	6.0	9.0	8.3	7.0	7.5	7.5	Khá										
302	25D4010505	Lê Hồ Bảo	Trâm	28/09/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	6.0	10.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.3	Khá										
303	25D4010504	Hồ Thị Thùy	Trâm	26/06/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	5.0	6.5	9.0	9.0	8.0	8.5	5.0	6.4	7.1	Khá										
304	25D4010513	Nguyễn Ái Ngọc	Trâm	25/10/2007	Phủ Yên	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.5	Khá										
305	25D4010560	Nguyễn Ngọc	Tuấn	10/10/2007	Thanh Hóa	QTDVĐL&LH2 K59	10.0	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	10.0	8.0	8.0	8.4	6.0	6.7	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.8	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0	.	.											
306	25D4010566	Hoàng Ngọc Phương	Uyên	24/08/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	10.0	8.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	7.7	Khá										
307	25D4010565	Hồ Hoàng Thảo	Uyên	25/07/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	7.0	7.8	5.0	5.8	8.0	9.0	8.0	8.4	6.0	7.0	9.0	6.0	9.0	8.3	8.0	8.1	7.2	Khá										
308	25D4010577	Nguyễn Thị Thảo	Vân	09/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	6.0	9.0	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.7	Khá										
309	25D4010588	Trương Quang	Vinh	03/05/2006	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0	9.0	8.0	8.0	8.3	2.0	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.												
310	25D4010591	Trần Minh	Vũ	21/02/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	9.0	5.0	9.0	8.0	8.0	8.0	7.7	Khá										
311	25D4010592	Đinh Nữ Hà	Vy	24/02/2007	Quảng Bình	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	6.2	7.4	Khá										
312	25D4010615	Nguyễn Thị Như	Ý	09/02/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.4	9.0	5.0	8.0	7.5	0.0	.	.											

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
							L1	L2					L1	L2																			TX
							HP	HP1					HP	HP2																			HP
313	25D401002	Nguyễn Ngọc Hoài An	21/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.6	Khá		
314	25D4010016	Nguyễn Thị Hiền Anh	10/08/2007	Quảng Bình	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.9	Khá		
315	25D4010012	Ngô Trần Bảo Anh	11/02/2007	Quảng Trị	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	6.0	8.0	7.4	6.0	6.4	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	0.0	.	.			
316	25D4010011	Lê Thị Hà Anh	26/10/2007	Thanh Hóa	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.2	Khá		
317	25D4010015	Hải Anh	13/03/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.5	8.0	8.0	9.0	8.4	8.0	8.2	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	8.1	Khá		
318	25D4010027	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	29/12/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	6.8	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.2	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.5	Khá		
319	25D4010036	Dương Quốc Bảo	14/07/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	7.0	7.0	7.6	7.0	7.2	8.0	10.0	9.0	9.1	8.0	8.5	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.2	Khá		
320	25D4010049	Mai Thị Bảo Châu	10/12/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.8	7.8	Khá		
321	25D4010074	Nguyễn Tất Quang Dũng	19/05/2007	Quảng Trị	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	4.0	.	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	9.0	8.0	8.5	9.0	8.8	.			
322	25D4010079	Trần Hữu Duy	19/01/2007	Quảng Bình	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1										0.0	.										Xóa KQ Hp2,3	
323	25D4010091	Trần Thị Ngọc Giang	18/08/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.1	Khá		
324	25D4010098	Trương Thị Thu Hà	16/05/2007	Quảng Trị	QTDVĐL&LH3 K59	10.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	10.0	7.0	7.0	7.6	4.0	.	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	9.0	9.0	8.0	8.5	6.0	7.0	.			
325	25D4010099	Lê Thanh Hải	27/03/2007	Nghệ An	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1										0.0	.										Xóa KQ Hp2,3	
326	25D4010103	Nguyễn Phan Ngọc Hân	12/05/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH3 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	8.0	8.0	8.4	5.0	6.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.9	Khá		
327	25D4010107	Trần Thị Thủy Hằng	20/12/2007	Nghệ An	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	8.0	7.0	8.0	7.8	9.0	8.5	7.6	Khá		
328	25D4010111	Phạm Thị Mỹ Hạnh	12/10/2007	Quảng Ngãi	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	8.1	8.1	Khá		
329	25D4010121	Lê Thị Như Hiếu	13/08/2007	Quảng Trị	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	6.0	9.0	8.3	9.0	8.7	7.7	Khá		
330	25D4010126	Nguyễn Thị Thanh Hoa	08/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.1	Khá		
331	25D4010131	Nguyễn Thị Ánh Hoài	17/12/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	7.0	6.0	7.0	6.0	6.3	8.0	9.0	9.0	8.8	7.0	7.7	9.0	9.0	8.0	8.5	9.0	8.8	7.1	Khá		
332	25D4010149	Trương Thị Dịu Hương	27/08/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	6.2	7.4	Khá		
333	25D4010148	Phan Thị Thanh Hương	29/10/2007	Đà Nẵng	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.1	Khá			
334	25D4010158	Nguyễn Quang Huy	30/10/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.			
335	25D4010185	Đào Hữu Kiệt	20/06/2007	Cần Thơ	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	8.0	9.0	8.4	7.0	7.6	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.9	Khá		
336	25D4010188	Hoàng Thị Thủy Kiều	19/11/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.8	Khá		
337	25D4010193	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	17/08/2007	Khánh Hòa	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.			
338	25D4010198	Lê Bi Linh	17/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.			
339	25D4010219	Nguyễn Thị Lợi	21/11/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	5.0	5.8	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	9.0	8.8	5.0	6.5	7.0	Khá		
340	25D4010229	Trần Duy Mẫn	02/04/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.6	Khá		
341	25D4010240	Nguyễn Thị Kiều My	08/12/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	9.0	8.5	7.9	Khá		
342	25D4010237	Lê Thị Diễm My	19/12/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.2	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0	Khá		
343	25D4010343	Nguyễn Thị Trà My	17/03/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	9.0	8.0	8.5	8.0	8.2	7.6	Khá		
344	25D4010242	Nguyễn Thị Trà My	22/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	10.0	7.0	9.0	8.8	7.0	7.7	8.1	Khá		

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú		
							L1	L2					L1	L2																			HP	HP2
345	25D4010265	Nguyễn Sỹ Hoàng	Nam	25/10/2007	Nghệ An	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7			0.0						0.0			9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	.		Xóa KQ Hp2,3		
346	25D4010273	Ngô Thị Kim	Ngân	29/03/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	5.0	6.5	7.5	Khá		
347	25D4010282	Lê Minh	Ngọc	25/10/2007	Hà Tĩnh	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	6.2	6.4	Trung bình		
348	25D4010285	Nguyễn Bảo	Ngọc	15/07/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	8.0	7.0	8.0	7.8	5.0	6.1	7.3	Khá		
349	25D4010283	Lê Thị Ánh	Ngọc	05/01/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	7.0	7.0	7.4	2.0	.	9.0	7.0	8.0	7.9	5.0	6.2	8.0	9.0	9.0	8.8	8.0	8.3	.		Xóa KQ Hp2,3	
350	25D4010306	Trương	Nhật	17/01/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4			0.0						0.0			8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	.		Xóa KQ Hp2,3	
351	25D4010314	Lê Thị Phương	Nhi	23/05/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0	8.0	8.0	8.0	0.0	.	.		Xóa KQ Hp2,3	
352	25D4010307	Đặng Thị Uyên	Nhi	04/07/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.8	Khá		
353	25D4010319	Lê Thị Tuyết	Nhi	16/07/2007	Ninh Thuận	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.1	Khá	
354	25D4010338	Phan Minh Quý	Nhi	01/01/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	7.0	9.0	8.3	6.0	6.9	7.8	Khá		
355	25D4010317	Lê Thị Cẩm	Nhi	21/02/2007	Quảng Trị	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	10.0	8.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0	.	.				
356	25D4010312	Hoàng Thị Ngọc	Nhi	01/12/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.4	Khá		
357	25D4010320	Lê Trần Thảo	Nhi	24/09/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	7.0	8.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.6	Khá		
358	25D4010359	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	29/10/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH3 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	8.0	9.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.7	Khá		
359	25D4010367	Trần Thị Kiều	Oanh	26/04/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	8.0	8.4	6.0	7.0	9.0	7.0	8.0	8.0	5.0	6.2	7.4	Khá		
360	25D4010375	Lê Quang Nguyễn Hồng	Phúc	22/01/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1			0.0						0.0			9.0	9.0	8.0	8.5	8.0	8.2	.		Xóa KQ Hp2,3		
361	25D4010377	Nguyễn Hồng	Phước	08/05/2007	Bình Định	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.0	Khá		
362	25D4010383	Trần Nguyễn Thùy	Phương	24/08/2007	Gia Lai	QTDVĐL&LH3 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	9.0	8.8	10.0	9.5	8.6	Giỏi		
363	25D4010391	Nguyễn Nhật Minh	Quân	02/12/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.			
364	25D4010390	Nguyễn Hải	Quân	02/12/2007	Nghệ An	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4			0.0						0.0			8.0	8.0	8.0	8.0	10.0	9.2	.		Xóa KQ Hp2,3		
365	25D4010398	Hoàng Thị Khánh	Quyên	15/02/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	9.0	8.5	5.0	6.4	7.4	Khá		
366	25D4010410	Phạm Thị Như	Quyên	24/08/2007	Quảng Trị	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	8.0	8.0	8.0	8.0	0.0	.	.			
367	25D4010440	Võ Văn	Thanh	06/07/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1			0.0						0.0			9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	.		Xóa KQ Hp2,3		
368	25D4010459	Huỳnh Phạm Minh	Thư	02/08/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.7	7.1	Khá		
369	25D4010471	Phan Anh	Thư	26/03/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	8.0	9.0	8.0	8.4	7.0	7.6	9.0	7.0	9.0	8.5	0.0	.	.			
370	25D4010497	Trần Thị	Tinh	23/01/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.			
371	25D4010498	Lê Thanh	Tinh	15/11/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4			0.0						0.0			8.0	8.0	9.0	8.5	5.0	6.4	.		Xóa KQ Hp2,3		
372	25D4010508	Nguyễn Bảo	Trâm	04/10/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	9.0	8.8	10.0	9.5	7.7	Khá		
373	25D4010527	Phạm Thị Huyền	Trang	02/09/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0	7.0	8.0	7.8	5.0	6.1	7.3	Khá		
374	25D4010518	Lê Thị Huyền	Trang	15/08/2007	Quảng Bình	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.2	Khá		
375	25D4010524	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	14/03/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.2	Khá			
376	25D4010519	Lê Thị Kiều	Trang	14/03/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	8.0	8.0	9.0	8.4	6.0	7.0	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.5	Khá		

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
							L1	L2					L1	L2																			
377	25D4010535	Trần Ngọc Trí	30/03/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1				0.0						0.0			9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9			Xóa KQ Hết	
378	25D4010552	Nguyễn Thị Thanh Trúc	09/12/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	Khá		
379	25D4010558	Hồ Anh Tuấn	14/02/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.3	Khá		
380	25D4010564	Đỗ Thị Diệu Uyên	09/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.8	9.0	7.0	8.0	8.0	5.0	6.2	7.6	Khá		
381	25D4010606	Phạm Thị Ngọc Vy	01/06/2007	Quảng Bình	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.9	Khá		
382	25D4010617	Trần Đình Thị Như Ý	09/08/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	8.0	7.0	8.0	7.8	9.0	8.5	7.3	Khá		
383	25D4010618	Trương Thị Mai Ý	17/02/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH3 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	8.0	8.0	8.4	6.0	6.7	10.0	9.0	8.0	8.9	8.0	8.4	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	7.5	Khá		
384	25D4010019	Phạm Quỳnh Anh	09/07/2007	Đông Tháp	QTDVĐL&LH4 K59	10.0	8.0	7.0	8.0	6.0	6.6	10.0	7.0	7.0	7.6	7.0	7.2	8.0	10.0	9.0	9.1	5.0	6.7	9.0	9.0	8.0	8.5	9.0	8.8	7.2	Khá		
385	25D4010017	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	07/02/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	7.4	Khá			
386	25D4010018	Nguyễn Thị Vân Anh	20/11/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	6.0	9.0	8.0	7.9	7.0	7.4	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.8	Khá		
387	25D4010021	Phan Thị Vân Anh	21/09/2007	Quảng Trị	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	8.0	8.5	9.0	8.8	7.9	Khá		
388	25D4010032	Nguyễn Văn Bắc	12/08/2007	Hà Tĩnh	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.5	Khá		
389	25D4010053	Trần Lê Khánh Châu	21/02/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	10.0	9.0	9.4	8.0	8.6	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.9	Khá		
390	25D4010114	Lê Đức Anh Hào	02/02/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.3	Khá		
391	25D4010123	Nguyễn Trung Hiếu	24/08/2007	Quảng Bình	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	10.0	9.3	8.0	8.5	8.1	Khá		
392	25D4010143	Hồ Sỹ Việt Hưng	17/02/2007	Hưng Yên	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	7.0	8.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.6	Khá		
393	25D4010151	Lê Đức Hường	01/01/2007	Nghệ An	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.3	Khá		
394	25D4010156	Huỳnh Vô Nhật Huy	03/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	10.0	9.0	8.0	8.9	9.0	9.0	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	8.1	7.8	Khá		
395	25D4010164	Đào Như Huyền	24/08/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	1.0		9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0					
396	25D4010183	Lê Trọng Nguyên Khôi	01/04/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	10.0	7.0	7.0	7.6	8.0	7.9	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	10.0	9.0	9.4	9.0	9.2	10.0	7.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	Khá		
397	25D4010195	Trương Thị Mỹ Lệ	12/11/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	0.0					
398	25D4010206	Nguyễn Thị Thùy Linh	10/05/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	7.9	Khá	
399	25D4010215	Võ Thị Khánh Loan	01/11/2007	Hà Tĩnh	QTDVĐL&LH4 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	8.0	8.0	8.4	9.0	8.8	10.0	8.0	9.0	8.9	7.0	7.8	10.0	8.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.3	Khá		
400	25D4010238	Ngô Thị Trà My	29/12/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	6.0	9.0	9.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.6	Khá		
401	25D4010245	Nguyễn Trà My	06/03/2007	Quảng Bình	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.8	5.0	5.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.4	Khá		
402	25D4010260	Võ Thị Ly Na	21/03/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	1.0		9.0	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7				
403	25D4010276	Võ Lê Kim Ngân	14/11/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	9.0	9.0	8.8	0.0					
404	25D4010287	Trần Bảo Ngọc	08/04/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.4	Khá		
405	25D4010279	Hồ Nguyễn Bảo Ngọc	23/02/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	9.0	8.6	6.0	7.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	6.9	Trung bình	
406	25D4010304	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	24/01/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.3	Khá		
407	25D4010324	Nguyễn Thị Phương Nhi	24/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.1	Khá		
408	25D4010328	Nguyễn Thị Uyên Nhi	31/08/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	8.0	9.0	8.0	8.4	7.0	7.6	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.2	Khá		

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú		
							L1	L2					L1	L2																			HP	HP1
409	25D4010322	Nguyễn Thảo	Nhi	30/06/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	1.0	.	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	.	.			
410	25D4010327	Nguyễn Thị Uyên	Nhi	28/06/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	3.0	.	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.8	8.0	8.3	.	.			
411	25D4010321	Nguyễn Phúc Bảo	Nhi	09/08/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	6.0	8.0	8.0	7.5	7.0	7.2	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.			
412	25D4010323	Nguyễn Thị Phương	Nhi	19/05/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	8.0	9.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.5	Khá		
413	25D4010326	Nguyễn Thị Uyên	Nhi	20/08/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	6.0	10.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	10.0	9.5	7.9	Khá		
414	25D4010368	Võ Thị Kim	Oanh	20/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	10.0	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	10.0	7.0	7.0	7.6	4.0	.	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	9.0	8.0	8.5	0.0	.	.			
415	25D4010371	Lý Thanh	Phong	05/02/2006	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	7.6	Khá		
416	25D4010372	Nguyễn Hoàng	Phong	11/02/2007	Dà Nẵng	QTDVĐL&LH K59	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	10.0	7.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.5	Khá		
417	25D4010385	Đoàn Thị Khánh	Phượng	31/05/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.1	Khá		
418	25D4010394	Trần Văn Nhật	Quang	22/11/2005	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	7.2	Khá		
419	25D4010411	Phan Lê Như	Quỳnh	18/06/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	9.0	8.0	8.5	7.0	7.6	7.7	Khá		
420	25D4010415	Châu Văn	Sành	20/12/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.7	Khá		
421	25D4010422	Đoàn Hồ Ngọc	Sỹ	08/10/2007	Kou Tum	QTDVĐL&LH K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.7	Khá		
422	25D4010425	Lê Văn	Tài	01/01/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.6	Khá		
423	25D4010445	Nguyễn Ngô Trang	Thảo	20/04/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	7.0	8.0	7.8	1.0	.	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	.	.		
424	25D4010452	Nguyễn Hoàng Bảo	Thi	22/11/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	4.0	.	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	.	.		
425	25D4010460	Lê Hà Anh	Thư	15/01/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.8	Khá		
426	25D4010472	Trần Đặng Anh	Thư	23/01/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	9.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	8.2	Khá		
427	25D4010456	Đỗ Thiên	Thư	18/02/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.6	Khá		
428	25D4010477	Hồ Thị Yến	Thương	10/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.1	Khá		
429	25D4010487	Phan Thị Thu	Thùy	12/11/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	1.0	.	9.0	6.0	7.0	7.0	6.0	6.3	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	.	.		
430	25D4010494	Lê Văn	Tiến	14/05/2007	Quảng Trị	QTDVĐL&LH K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.6	Khá		
431	25D4010507	Lê Thị Ngọc	Trâm	04/04/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	7.0	8.0	7.8	5.0	5.8	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.0	Khá		
432	25D4010510	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	21/05/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	0.0	.	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.		VPOC Híp	
433	25D4010506	Lê Phương Bảo	Trâm	12/06/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	1.0	.	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	.	.		
434	25D4010530	Trần Thị Minh	Trang	05/04/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.2	Khá	
435	25D4010529	Trần Nguyễn Quỳnh	Trang	08/07/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	7.8	Khá	
436	25D4010517	Dương Thùy	Trang	27/02/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	8.0	7.0	7.8	1.0	.	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.	.		
437	25D4010532	Lê Minh	Trí	30/11/2006	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.0	Khá		
438	25D4010544	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	28/05/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	7.0	8.0	7.8	1.0	.	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	9.0	8.8	7.0	7.7	.	.		
439	25D4010551	Lê Bảo Thanh	Trúc	28/07/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	6.0	9.0	9.0	8.3	9.0	8.7	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.	.		
440	25D4010555	Đoàn Thị Thanh	Tú	12/11/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	9.0	9.4	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	Khá	

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
							L1	L2					L1	L2																			
441	25D4010561	Trương Ngọc Cát	Trương	23/11/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	4.0	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	.	.	.	
442	25D4010569	Nguyễn Lê Phương Uyên	Uyên	06/11/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.8	Khá	
443	25D4010574	Nguyễn Lâm Quỳnh	Vân	08/02/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	7.5	Khá	
444	25D4010586	Trần Bảo Việt	Việt	30/04/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.6	Khá	
445	25D4010600	Nguyễn Ngọc Hà Vy	Vy	30/07/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.4	Khá	
446	25D4010598	Lưu Nhật Tường Vy	Vy	15/08/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	1.0	.	9.0	7.0	8.0	7.8	9.0	8.6	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.	.	
447	25D4010604	Nguyễn Trần Ngọc Vy	Vy	31/10/2007	Gia Lai	QTDVĐL&LH4 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	1.0	.	10.0	8.0	7.0	8.0	7.0	7.3	9.0	7.0	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.3	8.0	8.1	.	.	.
448	25D4010609	Trần Nguyễn Trường Vy	Vy	26/08/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	8.0	9.0	8.4	7.0	7.6	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.5	Khá	
449	25D4010603	Nguyễn Trần Khánh Vy	Vy	06/04/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	6.0	8.0	8.0	7.5	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.8	Khá	
450	25D4010024	Trần Thị Lan Anh	Anh	18/05/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	7.7	Khá	
451	25D4010007	Hoàng Quốc Anh	Anh	18/07/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1				0.0	0.0	.	.	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	.	.	Xóa KQ Hp2,3	
452	25D4010025	Lại Thị Hồng Ánh	Ánh	29/10/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	8.0	8.0	8.0	8.0	0.0	.	.	.	
453	25D4010041	Trần Đức Bình	Bình	11/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.0	9.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.8	Khá	
454	25D4010043	Nguyễn Thế Bun	Bun	01/10/2007	Quảng Bình	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.8	5.0	5.8	6.0	7.0	9.0	7.5	8.0	7.8	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	7.5	Khá	
455	25D4010054	Hoàng Mai Yến Chi	Chi	03/08/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	5.0	9.0	8.0	9.0	8.6	7.8	Khá	
456	25D4010056	Phạm Thị Phương Chi	Chi	16/07/2007	Thanh Hóa	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	3.0	.	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	.	.	.
457	25D4010061	Hà Lê Tiến Đạt	Đạt	13/12/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	6.0	9.0	9.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.7	Khá	
458	25D4010068	Tạ Văn Đoàn	Đoàn	06/09/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	6.0	8.0	9.0	7.9	6.0	6.8	9.0	9.0	8.0	8.5	0.0	.	.	.	
459	25D4010077	Nguyễn Thị Thùy Dương	Dương	01/11/2007	Quảng Trị	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.0	8.0	8.0	0.0	.	.	.	
460	25D4010084	Nguyễn Huỳnh San Dỵ	Dỵ	08/09/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	3.0	.	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	.	.	.
461	25D4010092	Võ Thị Trà Giang	Giang	03/09/2007	Quảng Bình	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	6.2	7.6	Khá	
462	25D4010106	Phạm Thị Hằng	Hằng	21/08/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	10.0	8.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.3	5.0	6.3	7.7	Khá	
463	25D4010112	Tôn Nữ Hồng Hạnh	Hạnh	04/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.8	7.0	7.7	7.4	Khá	
464	25D4010117	Nguyễn Ngọc Thanh Hiền	Hiền	10/02/2004	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	10.0	9.0	9.4	9.0	9.2	8.0	9.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.8	Khá	
465	25D4010133	Hoàng Thị Thúy Hoàn	Hoàn	19/02/2007	Đắk Nông	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	10.0	8.0	9.0	6.0	7.2	8.0	8.0	9.0	8.5	7.0	7.6	7.6	Khá	
466	25D4010146	Lê Hoàng Ngọc Thiên Hương	Hương	15/04/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.9	Khá	
467	25D4010153	Dương Gia Huy	Huy	30/05/2007	Hải Dương	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9				0.0	.	.	.	0.0	.	.	9.0	8.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	.	.	Xóa KQ Hp2,3	
468	25D4010163	Trần Quốc Huy	Huy	20/08/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1				0.0	.	.	.	0.0	.	.	9.0	8.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	.	.	Xóa KQ Hp2,3	
469	25D4010157	Nguyễn Đình Huy	Huy	16/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	7.0	7.4	3.0	.	9.0	10.0	8.0	9.0	6.0	7.2	8.0	9.0	9.0	8.8	6.0	7.1	.	.	.
470	25D4010172	Trần Thanh Huyền	Huyền	19/07/2007	Quảng Bình	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	7.0	8.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.9	Khá	
471	25D4010182	Lê Đỗ Anh Khoa	Khoa	19/10/2007	Quảng Ngãi	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.	.	
472	25D4010187	Trương Ngọc Anh Kiệt	Kiệt	29/09/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	7.0	7.8	5.0	5.8	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	8.0	8.5	0.0	.	.	.	

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú			
							L1	L2					L1	L2																			TX	TX	
473	25D4010209	Trương Nguyễn Khánh	Linh	13/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0	8.0	9.0	8.5	7.0	7.6	7.9	Khá			
474	25D4010208	Trần Phúc Gia	Linh	25/11/2007	Quảng Bình	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.				
475	25D4010210	Trương Thị Mai	Linh	06/08/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	4.0	.	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	.				
476	25D4010246	Phạm Thị Trà	My	01/01/2007	Hà Tĩnh	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	10.0	8.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	7.5	Khá			
477	25D4010236	Hoàng Phan Trà	My	10/02/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	10.0	8.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.8	Khá			
478	25D4010249	Trương Thị Hoài	My	19/06/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	8.0	Khá			
479	25D4010247	Phan Hòa	My	13/01/2007	Quảng Bình	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	6.2	7.4	Khá			
480	25D4010256	Lê Thị Mỹ	Na	28/11/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	Khá		
481	25D4010258	Trần Ngọc Thu	Na	27/10/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.5	Khá	
482	25D4010259	Trần Thị Lê	Na	23/10/2007	Hà Tĩnh	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	10.0	8.0	9.0	6.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.				
483	25D4010266	Đỗ Thị Kiều	Nga	21/12/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.7		Khá			
484	25D4010274	Nguyễn Thị Kim	Ngân	10/04/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59				0.0		.	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	7.0	7.9	8.0	8.0	8.0		4.0		.	.		Bảo lưu			
485	25D4010284	Lê Thị Hiếu	Ngọc	26/09/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	4.0	.	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	.				
486	25D4010346	Trịnh Yến	Nhi	23/10/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.				
487	25D4010333	Nguyễn Võ Linh	Nhi	08/12/2007	Đà Nẵng	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.6	Khá			
488	25D4010337	Phạm Văn Uyên	Nhi	26/08/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	6.0	8.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.8	Khá		
489	25D4010335	Phạm Thị Uyên	Nhi	10/05/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	7.0	7.8	5.0	5.8	8.0	8.0	9.0	8.4	6.0	7.0	9.0	7.0	9.0	8.5	0.0	.	.				
490	25D4010331	Nguyễn Thị Yến	Nhi	06/09/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	8.0	7.0	8.0	7.0	7.3	10.0	9.0	9.0	9.3	9.0	9.1	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.4	Khá			
491	25D4010345	Trần Thị Yến	Nhi	23/05/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.6	Khá		
492	25D4010382	Nguyễn Thị Như	Phương	01/03/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	8.0	8.0	8.3	4.0	.	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	.				
493	25D4010393	Nguyễn Việt	Quang	22/07/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2				0.0		.				0.0		.	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	.		Xóa KQ Hp2,3		
494	25D4010396	Lê Thanh	Quy	01/04/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9				0.0		.				0.0		.	9.0	8.0	8.0	8.3	10.0	9.3	.		Xóa KQ Hp2,3		
495	25D4010399	Nguyễn Thị	Quyên	03/07/2007	Nghệ An	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.9	Khá		
496	25D4010413	Võ Ngọc Như	Quỳnh	01/03/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.0	Khá			
497	25D4010420	Nguyễn Thái	Son	01/01/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	10.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0				0.0		.				0.0		.	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	.		Xóa KQ Hp2,3		
498	25D4010424	Lê Nguyễn Tấn	Tài	29/01/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1				0.0		.				0.0		.	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	.		Xóa KQ Hp2,3		
499	25D4010427	Nguyễn Đôn	Tài	30/03/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	6.0	10.0	9.0	8.6	7.0	7.7	8.0	9.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.0	Khá			
500	25D4010433	Phan Thị Minh	Tâm	18/11/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.4	Khá			
501	25D4010434	Phan Thy Vân	Tâm	22/07/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	5.0	7.0	6.6	8.0	7.6	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.8	Khá		
502	25D4010431	Nguyễn Thị Tuệ	Tâm	26/07/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	7.7	Khá		
503	25D4010444	Ngô Phương	Thảo	13/05/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	8.0	8.0	8.4	6.0	6.7	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	10.0	8.0	9.0	9.0	7.0	7.8	7.8	Khá			
504	25D4010446	Nguyễn Thị Thu	Thảo	06/06/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	5.0	5.8	9.0	10.0	8.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.9	Khá			

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú
							L1	L2					L1	L2																		
505	25D4010448	Tôn Nữ Như Thảo	14/02/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	9.0	8.0	8.5	9.0	8.8	7.8	Khá	
506	25D4010453	Võ Thị Kim Thi	18/12/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.6	Khá	
507	25D4010466	Nguyễn Hữu Anh Thư	11/06/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.0	Khá	
508	25D4010464	Lê Võ Minh Thư	28/02/2007	Hà Tĩnh	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	8.2	6.8	Trung bình	
509	25D4010486	Nguyễn Thị Thu Thùy	09/07/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	7.0	7.8	3.0	.	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	6.2	.		
510	25D4010509	Nguyễn Lê Tuyết Trâm	09/11/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.6	Khá	
511	25D4010523	Nguyễn Thị Minh Trang	18/12/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	10.0	8.0	9.0	8.9	9.0	9.0	10.0	8.0	8.0	8.5	10.0	9.4	8.4	Khá	
512	25D4010537	Phạm Thị Triều	25/09/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	6.2	7.7	Khá	
513	25D4010543	Nguyễn Thị Trinh	11/10/2007	Nghệ An	QTDVĐL&LH5 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.1	Khá	
514	25D4010562	Ngô Thị Cẩm Tuyền	02/01/2007	Bình Thuận	QTDVĐL&LH5 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.9	Khá	
515	25D4010585	Võ Thị Thảo Vi	30/11/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.4	7.6	Khá	
516	25D4010590	Nguyễn Thị Vũ	08/04/2007	Hà Tĩnh	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.8	7.6	Khá	
517	25D4010608	Trần Diệu Vy	07/04/2007	Đà Nẵng	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	8.0	8.0	9.0	8.5	0.0	.	.		
518	25D4010607	Phan Thị Tường Vy	31/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	7.0	7.7	7.9	Khá	
519	25D4010610	Trần Duy Xuân	22/10/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	.	.	.	0.0	0.0	.	.	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	.	.	Xóa KQ Hp2,3
520	25D4010611	Bùi Thái Long Xuyên	10/04/2007	Quảng Bình	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.1	Khá	
521	25D4010613	Lê Thị Như Ý	20/10/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	10.0	8.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.9	Khá	
522	25D4010622	Trịnh Trần Hải Yên	21/08/2006	TT Huế	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	5.0	5.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	6.0	9.0	8.3	8.0	8.1	7.6	Khá	
523	25D4010623	Võ Thị Yên	30/11/2007	Quảng Trị	QTDVĐL&LH5 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.6	Khá	
524	25D4010001	Lê Thị Thuận An	17/11/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH6 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	9.0	8.8	6.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	7.4	Khá	
525	25D4010008	Huỳnh Nguyễn Duy Anh	25/08/2006	TT Huế	QTDVĐL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	.	.	.	0.0	.	.	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	.	.	Xóa KQ Hp2
526	25D4010048	Lê Thái Châu	27/10/2007	Quảng Trị	QTDVĐL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	9.0	9.4	6.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	0.0	.	.		
527	25D4010059	Trần Thị Quý Cung	16/02/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	0.0	.	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	.	.	VQC Hp2
528	25D4010062	Hoàng Đạt	03/12/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	8.0	Khá	
529	25D4010064	Đinh Thị Hoàng Diễm	22/12/2007	Quảng Trị	QTDVĐL&LH6 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	8.1	7.9	Khá	
530	25D4010085	Đoàn Thị Hoài Giang	07/11/2007	Đà Nẵng	QTDVĐL&LH6 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.2	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.		
531	25D4010087	Lê Thị Châu Giang	05/12/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH6 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	6.0	7.0	9.0	7.5	8.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.		
532	25D4010101	Ngô Huỳnh Bảo Hân	24/07/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	7.0	7.8	5.0	5.8	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.8	9.0	7.0	9.0	8.5	6.0	7.0	6.6	Trung bình	
533	25D4010116	Huỳnh Thị Diệu Hiền	20/12/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.6	9.0	8.9	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	8.2	Khá	
534	25D4010125	Đinh Thị Mỹ Hoa	27/09/2007	Quảng Nam	QTDVĐL&LH6 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	10.0	7.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.3	Khá	
535	25D4010137	Hoàng Thế Huân	08/02/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	10.0	7.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	7.0	9.0	8.3	9.0	8.7	7.3	Khá	
536	25D4010142	Hồ Ngọc Hưng	22/01/2007	TT Huế	QTDVĐL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	7.0	8.0	7.8	9.0	8.5	8.1	Khá	

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
							L1	L2					L1	L2																			TX
537	25D4010144	Hồ Quỳnh	Hương	11/11/2007	TT Huế	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	8.0	Khá	
538	25D4010161	Phạm Lê	Huy	28/02/2007	Quảng Nam	QTDVDL&LH6 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	10.0	7.0	8.0	8.0	3.0	.	9.0	9.0	9.0	9.0	4.0	.	8.0	7.0	9.0	8.3	9.0	8.7	.		
539	25D4010170	Trần Bảo	Huyền	03/10/2007	Quảng Ngãi	QTDVDL&LH6 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	8.0	7.0	8.0	7.8	9.0	8.5	7.8	Khá	
540	25D4010174	Nguyễn Đăng	Khả	26/12/2007	TT Huế	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	.	.	.	0.0	.	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	7.0	8.0	7.8	5.0	6.1	.		Xóa KQ Hp2	
541	25D4010180	Vi Ngọc	Khánh	31/08/2007	Nghệ An	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	0.0	.	.		
542	25D4010192	Phạm Mai	Lê	23/10/2007	Quảng Bình	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	9.0	8.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	8.3	Khá	
543	25D4010218	Lê Kim	Lợi	14/11/2007	TT Huế	QTDVDL&LH6 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	10.0	8.0	7.0	8.0	6.0	6.6	10.0	10.0	8.0	9.3	8.0	8.5	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.		
544	25D4010221	Đinh Thị Cẩm	Ly	07/09/2007	Quảng Bình	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.0	Khá	
545	25D4010227	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	09/05/2007	Nghệ An	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.2	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.		
546	25D4010253	La Thị	Na	08/02/2007	TT Huế	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.0	8.0	7.0	7.4	7.2	Khá		
547	25D4010298	Trần Nguyễn Ánh	Nguyệt	26/05/2007	TT Huế	QTDVDL&LH6 K59	10.0	8.0	7.0	8.0	7.0	7.3	10.0	8.0	7.0	8.0	7.0	7.3	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	10.0	7.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.4	Khá	
548	25D4010302	Đặng Ngọc Thiên	Nhân	22/08/2007	TT Huế	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.6	Khá	
549	25D4010330	Nguyễn Thị Yên	Nhi	10/02/2007	Nghệ An	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	9.0	8.4	5.0	6.4	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.5	Khá	
550	25D4010341	Phan Thị Yến	Nhi	10/03/2007	Hà Tĩnh	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	0.0	.	8.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.8	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	.		VPOC Hp2
551	25D4010308	Đinh Thị Tuyết	Nhi	20/12/2007	Quảng Trị	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	10.0	8.0	8.8	8.0	8.3	9.0	9.0	8.0	8.5	6.0	7.0	7.9	Khá	
552	25D4010325	Nguyễn Thị Uyên	Nhi	20/08/2007	TT Huế	QTDVDL&LH6 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.8	7.5	Khá	
553	25D4010350	Nguyễn Quỳnh Khánh	Như	25/04/2007	TT Huế	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	7.0	7.7	7.4	Khá	
554	25D4010365	Hồ Thị Kiều	Oanh	10/03/2007	TT Huế	QTDVDL&LH6 K59	10.0	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.1	Khá	
555	25D4010374	Hồ Quang	Phúc	06/12/2007	TT Huế	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.4	Khá	
556	25D4010381	Nguyễn Thị Hoài	Phương	07/05/2007	TT Huế	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.4	9.0	7.0	9.0	8.5	0.0	.	.		
557	25D4010388	Lê Văn Anh	Quân	28/09/2007	TT Huế	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	7.0	8.0	7.8	5.0	6.1	7.1	Khá	
558	25D4010392	Nguyễn Nhật	Quang	23/08/2007	TT Huế	QTDVDL&LH6 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	9.0	8.6	6.0	7.1	9.0	5.0	9.0	8.0	8.0	8.0	7.3	Khá	
559	25D4010402	Đỗ Thị Thuý	Quỳnh	06/03/2007	TT Huế	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	4.0	.	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.		
560	25D4010414	Phan Nguyễn Thảo	Sang	04/03/2007	TT Huế	QTDVDL&LH6 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	6.0	9.0	7.6	6.0	6.7	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	6.2	7.4	Khá	
561	25D4010428	Trương Văn	Tài	24/06/2007	TT Huế	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	7.0	7.8	2.0	.	6.0	10.0	9.0	8.6	8.0	8.3	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	.	.		
562	25D4010441	Đoàn Quang	Thành	10/04/2007	TT Huế	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	.	.	.	0.0	.	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	8.1	.		Xóa KQ Hp2	
563	25D4010481	Nguyễn Thị	Thúy	05/07/2007	TT Huế	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	8.0	9.0	8.0	8.4	7.0	7.6	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.4	Khá	
564	25D4010482	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	14/10/2007	TT Huế	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	8.1	Khá	
565	25D4010500	Nguyễn Thị Thanh	Tịnh	17/06/2007	TT Huế	QTDVDL&LH6 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	9.0	8.0	8.5	0.0	.	.		
566	25D4010512	Phan Ngọc Bảo	Trâm	06/11/2007	Nghệ An	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	9.0	8.4	5.0	6.4	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	6.9	Trung bình	
567	25D4010538	Cao Thị Thục	Trinh	24/10/2007	Nghệ An	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	8.0	9.0	8.0	8.4	7.0	7.6	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.4	Khá	
568	25D4010557	Thái Thị	Tú	23/07/2007	Nghệ An	QTDVDL&LH6 K59	10.0	8.0	7.0	8.0	7.0	7.3	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	5.0	6.6	10.0	7.0	9.0	8.8	5.0	6.5	7.0	Khá	

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
							L1	L2					L1	L2																			
569	25D4010571	Trần Thị Tú Uyên	18/01/2007	TT Huế	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	0.0	.	8.0	8.0	9.0	8.4	6.0	7.0	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	.	.	VQC Hg2
570	25D4010578	Phan Lê Hải Vân	23/07/2007	Quảng Nam	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	9.0	8.0	8.4	7.0	7.6	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.6	Khá		
571	25D4010587	Nguyễn Văn Vinh	01/03/2007	Quảng Nam	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	7.6	Khá		
572	25D4010595	Hồ Thị Bích Vy	16/08/2007	TT Huế	QTDVDL&LH6 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.8	Khá	
573	25D4010010	Lê Nguyễn Nhật Anh	09/10/2007	TT Huế	QTDVDL&LH7 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.7	Khá		
574	25D4010022	Trần Nguyễn Huyền Anh	27/06/2007	TT Huế	QTDVDL&LH7 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	7.0	8.0	8.0	7.8	8.0	7.9	10.0	9.0	9.0	9.3	8.0	8.5	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	8.3	Khá		
575	25D4010034	Phạm Nguyễn Anh Băng	17/03/2007	TT Huế	QTDVDL&LH7 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	10.0	9.0	9.0	9.3	6.0	7.3	9.0	8.0	9.0	8.8	7.0	7.7	7.7	Khá		
576	25D4010055	Nguyễn Hồ Quỳnh Chi	28/07/2007	TT Huế	QTDVDL&LH7 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.0	Khá		
577	25D4010063	Phan Nguyễn Tiến Đạt	10/07/2007	TT Huế	QTDVDL&LH7 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	7.0	7.0	7.4	5.0	5.7	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	7.2	Khá		
578	25D4010065	Trương Thị Ngọc Diễm	21/01/2007	TT Huế	QTDVDL&LH7 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	8.1	Khá		
579	25D4010071	Nguyễn Thùy Dung	17/10/2007	Hà Tĩnh	QTDVDL&LH7 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	Khá		
580	25D4010095	Nguyễn Thị Thu Hà	28/05/2007	TT Huế	QTDVDL&LH7 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.9	Khá		
581	25D4010105	Lê Diệu Hằng	03/02/2007	Quảng Bình	QTDVDL&LH7 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	7.0	9.0	8.5	0.0	.	.			
582	25D4010110	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	15/02/2007	Đà Nẵng	QTDVDL&LH7 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	5.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	7.2	Khá		
583	25D4010124	Phan Hữu Hiếu	03/10/2007	TT Huế	QTDVDL&LH7 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.0	10.0	9.3	0.0	.	.			
584	25D4010134	Phạm Thị Hoàn	20/08/2007	Quảng Bình	QTDVDL&LH7 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	8.0	Khá		
585	25D4010155	Huỳnh Lê Quang Huy	23/07/2007	TT Huế	QTDVDL&LH7 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0	.	.			
586	25D4010184	Lê Minh Khuê	19/07/2007	Quảng Nam	QTDVDL&LH7 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.6	6.0	7.1	9.0	7.0	9.0	8.5	0.0	.	.			
587	25D4010197	Nguyễn Ngọc Thảo Liên	28/12/2007	TT Huế	QTDVDL&LH7 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.2	Khá		
588	25D4010199	Lê Thị Hà Linh	17/10/2007	Hà Tĩnh	QTDVDL&LH7 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	9.0	7.0	8.0	8.0	5.0	6.2	7.1	Khá		
589	25D4010213	Lê Thị Bích Loan	17/11/2007	Quảng Bình	QTDVDL&LH7 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.0	Khá		
590	25D4010228	Trần Thị Thanh Mai	12/01/2007	Quảng Bình	QTDVDL&LH7 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	9.0	8.0	8.8	8.0	8.2	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.4	Khá	
591	25D4010244	Nguyễn Trà My	08/11/2007	Đà Nẵng	QTDVDL&LH7 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	8.0	9.0	6.0	7.2	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.0	Khá		
592	25D4010233	Hồ Kiều My	24/03/2007	TT Huế	QTDVDL&LH7 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	9.0	8.5	0.0	.	.			
593	25D4010263	Ngô Văn Nam	29/10/2007	Quảng Nam	QTDVDL&LH7 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0	Khá		
594	25D4010261	Lê Hoài Nam	15/03/2007	Hà Tĩnh	QTDVDL&LH7 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	5.9	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	7.0	8.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.1	Khá		
595	25D4010270	Hoàng Thị Ngân	25/03/2007	TT Huế	QTDVDL&LH7 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.9	Khá		
596	25D4010278	Đình Vũ Bảo Ngọc	05/02/2006	Quảng Nam	QTDVDL&LH7 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	6.0	8.0	7.5	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	0.0	.	.		
597	25D4010289	Đoàn Phương Nguyên	13/01/2007	Quảng Trị	QTDVDL&LH7 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	6.0	9.0	8.3	0.0	.	.			
598	25D4010296	Trần Đình Minh Nguyễn	21/10/2007	TT Huế	QTDVDL&LH7 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	7.5	Khá		
599	25D4010297	Nguyễn Gia Ánh Nguyệt	18/09/2007	Quảng Nam	QTDVDL&LH7 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	5.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.6	Khá		
600	25D4010299	Nguyễn Thanh Nhân	01/01/2007	TT Huế	QTDVDL&LH7 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	0.0	.	.			

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú			
							L1	L2					L1	L2																					
601	25D4010380	Nguyễn Ngọc Phương	22/08/2007	Đà Nẵng	QTDVDL&LH7 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.5	9.0	8.8	8.0	Khá	
602	25D4010387	Hồ Minh Quân	02/07/2007	TT Huế	QTDVDL&LH7 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	8.0	8.0	0.0	.	.				
603	25D4010405	Huỳnh Nguyễn Như Quỳnh	04/04/2007	TT Huế	QTDVDL&LH7 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.1			Khá		
604	25D4010423	Bùi Thị Cẩm Tài	26/09/2007	Đà Nẵng	QTDVDL&LH7 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	10.0	8.0	8.8	7.0	7.7	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.					
605	25D4010429	Ngũ Vinh Tâm	10/1/2006	Quảng Bình	QTDVDL&LH7 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	.	.	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	7.0	9.0	9.0	8.5	7.0	7.6	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0				Báo Im	
606	25D4010455	Đỗ Xuân Thống	03/03/2007	TT Huế	QTDVDL&LH7 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.2	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.9			Khá		
607	25D4010457	Hồ Ngọc Anh Thư	26/03/2007	TT Huế	QTDVDL&LH7 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	7.8			Khá		
608	25D4010467	Nguyễn Thị Anh Thư	25/1/2007	TT Huế	QTDVDL&LH7 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.8			Khá		
609	25D4010502	Nguyễn Minh Toàn	19/1/2007	Quảng Nam	QTDVDL&LH7 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.7			Khá		
610	25D4010520	Lê Thị Thuỳ Trang	09/09/2007	TT Huế	QTDVDL&LH7 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.9			Khá		
611	25D4010533	Nguyễn Ngọc Trí	07/1/2007	TT Huế	QTDVDL&LH7 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	10.0	7.0	7.0	7.6	8.0	7.9	10.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0	.	.					
612	25D4010545	Nguyễn Tuyết Trinh	15/1/2007	Quảng Ngãi	QTDVDL&LH7 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	8.0	9.0	6.0	7.2	8.0	8.0	8.0	8.0	10.0	9.2	8.1			Khá		
613	25D4010567	Lê Thảo Uyên	21/12/2007	TT Huế	QTDVDL&LH7 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.9			Khá		
614	25D4010614	Lý Thị Như Ý	06/12/2007	Quảng Nam	QTDVDL&LH7 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	8.0	9.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.4			Khá		
615	25D4020003	Lê Trần Cẩm An	05/05/2006	Quảng Nam	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	8.0	8.0	9.0	8.4	7.0	7.6	9.0	7.0	9.0	8.5	6.0	7.0	7.5			Khá		
616	25D4020008	Nguyễn Khoa Diệu Quỳnh Anh	21/09/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.1			Khá		
617	25D4020006	Lê Hoàng Phương Anh	07/03/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	8.0	7.6	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	7.6			Khá		
618	25D4020007	Ngô Thị Quỳnh Anh	15/05/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	8.0	7.0	7.4	7.8			Khá		
619	25D4020010	Kỳ Thị Ngọc Ánh	08/02/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	7.6			Khá		
620	25D4020013	Ngô Thị Minh Châu	13/12/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	5.0	5.8	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	7.2			Khá		
621	25D4020015	Trương Lê Bảo Châu	13/05/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.3	7.8			Khá		
622	25D4020018	Trương Ngọc Đại	10/06/2007	Quảng Trị	QTKD1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	8.1			Khá		
623	25D4020020	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	21/1/2007	Nghệ An	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.5			Giỏi	
624	25D4020021	Thái Nhật Đông	22/10/2007	Quảng Nam	QTKD1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	3.0	.	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	2.0	.	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.					
625	25D4020023	Huỳnh Minh Đức	15/06/2007	Quảng Nam	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	9.0	9.0	9.0	5.0	6.6	9.0	7.0	7.0	7.5	9.0	8.4	7.1			Khá		
626	25D4020022	Đình Tiến Đức	08/01/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	9.0	10.0	8.0	9.0	7.0	7.8	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.6			Khá		
627	25D4020025	Phan Thị Duyên	30/04/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0	.	.					
628	25D4020030	Nguyễn Thị Minh Hạ	12/08/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	9.0	9.0	8.8	7.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0			Khá		
629	25D4020031	Nguyễn Hồng Hải	14/04/2007	TT Huế	QTKD1 K59	10.0	7.0	7.0	7.6	8.0	7.9	10.0	8.0	7.0	8.0	6.0	6.6	10.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	10.0	7.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.8			Khá		
630	25D4020034	Nguyễn Văn Hiệu	13/04/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	5.0	8.0	7.1	8.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0			Khá		
631	25D4020035	Nguyễn Thị Ngọc Hoài	26/05/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	9.0	10.0	9.5	8.0	8.6	8.2			Khá		
632	25D4020038	Nguyễn Văn Huy	28/09/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	8.0	10.0	9.2	8.1			Khá		

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú		
							L1	L2					L1	L2																			HP	HP2
633	25D4020042	Trần Thị Thu	Huyền	24/07/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	8.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.7	Khá		
634	25D4020048	Nguyễn Đình	Kiệt	19/02/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	4.0	.	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	.			
635	25D4020046	Bùi Thanh	Kiệt	11/01/2007	Quảng Nam	QTKD1 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	9.0	8.6	0.0	.	10.0	7.0	8.0	8.3	8.0	8.1	.		VQC tps	
636	25D4020049	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	03/08/2007	Quảng Ngãi	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	8.0	7.6	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.9	Khá		
637	25D4020055	Nguyễn Tú Quỳnh Nhật	Linh	10/02/2007	TT Huế	QTKD1 K59	10.0	8.0	7.0	8.0	6.0	6.6	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	10.0	9.0	8.0	8.9	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.8	Khá			
638	25D4020056	Phạm Nguyễn Khánh	Linh	28/11/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	5.0	5.8	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0	.	.			
639	25D4020058	Trương Khánh	Linh	20/01/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.7	Khá		
640	25D4020064	Nguyễn Thị Khánh	Ly	07/12/2006	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0	.	.			
641	25D4020069	Nguyễn Thị Trà	My	06/12/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.			
642	25D4020074	Lê Hồng Thiên	Ngân	13/06/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0	.	.			
643	25D4020076	Phan Trọng	Nghĩa	10/08/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.7	Khá		
644	25D4020079	Lê Thị Thảo	Nguyễn	28/04/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.0	Khá		
645	25D4020081	Võ Thanh	Nhân	25/11/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	6.2	7.5	Khá		
646	25D4020091	Nguyễn Thị Ý	Nhi	13/06/2007	Quảng Trị	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.3	Khá	
647	25D4020093	Phan Thị Hoài	Nhi	05/05/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	7.9	Khá		
648	25D4020089	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	14/12/2007	Quảng Nam	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	9.0	10.0	9.5	9.0	9.2	7.6	Khá		
649	25D4020086	Đoàn Thị	Nhi	13/04/2006	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.8	Khá		
650	25D4020090	Nguyễn Thị Vân	Nhi	12/10/2007	TT Huế	QTKD1 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.5	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	10.0	7.0	9.0	8.8	10.0	9.5	8.3	Khá		
651	25D4020092	Nguyễn Trần Linh	Nhi	13/10/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.1	Khá		
652	25D4020097	H Đô Ra	Niê	25/05/2007	Đắk Lắk	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.8	Khá		
653	25D4020099	Hồ Thị Kiều	Oanh	17/12/2007	Quảng Trị	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	7.5	Khá		
654	25D4020101	Nguyễn Thị Kim	Oanh	14/03/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	9.0	10.0	9.5	9.0	9.2	8.2	Khá		
655	25D4020102	Nguyễn Thị Kim	Oanh	16/07/2007	Quảng Trị	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	7.9	Khá		
656	25D4020107	Phan Đình	Phong	22/10/2007	Gia Lai	QTKD1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	5.0	8.0	7.1	7.0	7.1	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.7	Khá		
657	25D4020116	Nguyễn Việt Tấn	Tài	21/12/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	6.0	6.0	6.4	8.0	7.5	9.0	9.0	9.0	9.0	5.0	6.6	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.4	Khá		
658	25D4020119	Lê Đình	Thành	02/01/2006	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	6.0	7.4	7.0	7.1	9.0	6.0	8.0	7.5	8.0	7.8	8.0	7.0	9.0	8.3	8.0	8.1	7.7	Khá		
659	25D4020125	Phan Gia Quang	Thiện	07/11/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	5.0	5.8	8.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.6	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.0	Khá		
660	25D4020127	Trần Duy	Thịnh	26/02/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	7.0	9.0	8.3	7.0	7.5	7.7	Khá		
661	25D4020128	Lê Diễm Quỳnh	Thư	02/06/2007	TT Huế	QTKD1 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	10.0	9.0	9.0	9.2	7.0	7.7	10.0	9.0	9.0	9.3	9.0	9.1	10.0	9.0	8.0	8.8	7.0	7.7	7.9	Khá		
662	25D4020132	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	12/05/2006	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	9.0	8.6	9.0	8.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0	Khá		
663	25D4020133	Hồ Thùy	Tiên	12/12/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	Khá		
664	25D4020139	Phan Ngọc	Trình	08/06/2005	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	5.0	6.6	7.3	Khá		

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
							L1	L2					L1	L2																			
665	25D4020144	Trần Thị Thảo	Uyên	26/01/2007	Dak Lak	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.4	Khá	
666	25D4020148	Huỳnh Thị Vi	Vi	18/03/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.7	9.0	7.0	8.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	8.5	8.3	Khá	
667	25D4020151	Thân Văn Phước	Vĩnh	16/08/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	5.0	8.0	7.1	8.0	7.7	9.0	8.0	9.0	8.8	10.0	9.5	8.1	Khá	
668	25D4020153	Trương Thị	Xoan	09/05/2007	Thanh Hóa	QTKD1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.4	Khá	
669	25D4020156	Nguyễn Thị Như	Ý	28/12/2007	TT Huế	QTKD1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	7.5	Khá	
670	25D4020002	Huỳnh Nguyễn Hoài	An	16/09/2007	TT Huế	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	8.0	7.0	8.0	7.6	5.0	5.8	9.0	9.0	9.0	9.0	4.0	.	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	.		
671	25D4020004	Bùi Thị Lan	Anh	31/10/2007	Kon Tum	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	7.0	7.8	10.0	9.1	7.7	Khá	
672	25D4020012	Bùi Hoàng	Châu	02/03/2007	Quảng Bình	QTKD1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.4	8.0	8.1	9.0	9.0	7.0	8.3	9.0	8.7	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	8.5	8.3	Khá	
673	25D4020017	Hoàng Hữu Thái	Cường	02/12/2007	Nghệ An	QTKD2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	6.0	8.0	7.5	7.0	7.2	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	8.5	7.6	Khá	
674	25D4020019	Nguyễn Ngọc	Diệp	03/02/2007	TT Huế	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.9	Khá	
675	25D4020029	Trần Thị Thu	Hà	17/10/2006	Vinh Phúc	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0	Khá	
676	25D4020028	Trần Thị	Hà	10/02/2004	TT Huế	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	Khá	
677	25D4020032	Hoàng Thị Thu	Hằng	15/07/2007	TT Huế	QTKD2 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0	.	.		
678	25D4020036	Trần Thị Quỳnh	Hương	27/07/2007	Quảng Nam	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	7.0	7.6	6.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.4	Khá	
679	25D4020039	Trần Đức	Huy	24/02/2007	TT Huế	QTKD2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	7.0	7.8	0.0	.	.		
680	25D4020044	Phạm Như Bảo	Khánh	28/01/2007	TT Huế	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	9.0	8.4	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	7.3	Khá	
681	25D4020047	Hồ Hoàng Anh	Kiệt	04/12/2007	TT Huế	QTKD2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	6.0	9.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	8.5	7.8	Khá	
682	25D4020050	Lê Thị Kim	Lanh	16/10/2007	Quảng Ngãi	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	9.0	8.4	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.8	Khá	
683	25D4020054	Lê Thái Thùy	Linh	06/03/2007	TT Huế	QTKD2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	6.0	7.5	9.0	8.4	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.7	7.8	Khá	
684	25D4020053	Đoàn Thị Thùy	Linh	21/06/2007	Quảng Nam	QTKD2 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.5	Khá	
685	25D4020059	Châu Thị Kim	Loan	30/06/2007	Bình Phước	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.6	Khá	
686	25D4020068	Hồ Trà	My	16/09/2007	Tây Ninh	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	0.0	.	6.0	8.0	9.0	7.9	8.0	8.0	8.0	9.0	9.0	8.8	9.0	8.9	.		VPOC Hp2
687	25D4020084	Đinh Thị Kiều	Nhi	11/05/2007	Quảng Bình	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.1	Khá	
688	25D4020087	Lê Thị Tuyết	Nhi	14/02/2007	TT Huế	QTKD2 K59	10.0	8.0	7.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0	.	10.0	7.0	9.0	8.8	9.0	8.9	.		VPOC Hp3
689	25D4020088	Nguyễn Mai	Nhi	03/08/2007	Quảng Bình	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	4.0	.	8.0	8.0	8.0	5.0	5.9	9.0	9.0	8.0	8.6	5.0	6.5	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	.			
690	25D4020095	Nguyễn Thị Uyên	Như	29/10/2006	TT Huế	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	9.0	7.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	Khá	
691	25D4020098	H Fring	Niê	05/12/2007	Dak Lak	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.6	9.0	8.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.2	Khá	
692	25D4020100	Lê Thị Kim	Oanh	27/05/2007	TT Huế	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	7.0	9.0	8.0	6.0	6.6	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	8.0	0.0	.	.		
693	25D4020110	Ngô Vĩnh	Quý	04/05/2007	TT Huế	QTKD2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	7.0	9.0	8.3	6.0	6.9	9.0	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.3	Khá	
694	25D4020112	Lê Việt Hải	Sâm	01/01/2007	TT Huế	QTKD2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	7.0	9.0	8.3	8.0	8.1	7.0	8.0	7.0	7.3	5.0	5.9	7.1	Khá	
695	25D4020114	Lê Chân	Sơn	30/03/2007	TT Huế	QTKD2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	7.0	9.0	8.3	7.0	7.5	9.0	9.0	7.0	8.0	10.0	9.2	7.7	Khá	
696	25D4020118	Lê Hoàng Bá	Thắng	21/10/2007	Quảng Trị	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	10.0	9.0	9.4	3.0	.	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	.		

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
							L1	L2					L1	L2																			HP
697	25D4020120	Phạm Nhật	Thành	09/12/2007	TT Huế	QTKD2 K59	10.0	7.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	10.0	5.0	9.0	7.8	7.0	7.3	10.0	9.0	7.0	8.3	8.0	8.1	7.4	Khá	
698	25D4020126	Lê Nguyễn Anh	Thịnh	09/04/2007	TT Huế	QTKD2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	8.0	9.0	8.6	6.0	7.1	9.0	8.0	7.0	7.8	0.0	.	.		
699	25D4020130	Nguyễn Ngọc Vy	Thư	17/07/2007	Gia Lai	QTKD2 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	5.0	6.0	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.6	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	10.0	7.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.1	Khá	
700	25D4020131	Trần Anh	Thư	09/09/2007	Quảng Nam	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	9.0	7.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.5	Khá	
701	25D4020135	Nguyễn Gia Bảo	Trâm	02/05/2006	Đà Nẵng	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.		
702	25D4020138	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	25/03/2007	TT Huế	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	7.6	Khá	
703	25D4020141	Châu Quang	Tú	11/10/2006	TT Huế	QTKD2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	9.0	9.0	9.0	5.0	6.6	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	8.5	7.5	Khá	
704	25D4020146	Đặng Thị Hồng	Vân	12/11/2006	Quảng Bình	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.6	Khá	
705	25D4020149	Vân Thị Thảo	Vi	19/04/2007	TT Huế	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.7	Khá	
706	25D4020150	Nguyễn Thanh	Viên	07/10/2003	TT Huế	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	8.0	9.0	8.6	6.0	7.1	9.0	9.0	7.0	8.0	7.0	7.4	7.2	Khá	
707	25D4020154	Siu Xuyên	Xuyên	23/04/2006	Gia Lai	QTKD2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	7.0	7.6	6.0	6.5	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.		
708	25D4020155	Nguyễn Hoàng Như	Ý	31/07/2007	TT Huế	QTKD2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	7.0	7.9	9.0	8.6	9.0	8.0	7.0	7.8	10.0	9.1	8.0	Khá	
709	25D4050013	Phan Thị Quỳnh	Anh	29/08/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.4	Khá	
710	25D4050030	Dương Thị Khánh	Chi	17/03/2007	Hà Tĩnh	QTKS1 K59	10.0	7.0	7.0	7.6	7.0	7.2	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.		
711	25D4050031	Hoàng Phương Thảo	Chi	16/09/2007	Đắk Lắk	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.6	5.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.		
712	25D4050035	Nguyễn Lê Kim	Chiến	09/09/2007	Quảng Trị	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.9	Khá	
713	25D4050045	Lê Tuấn	Đông	04/01/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	7.0	8.0	8.0	7.0	7.4	7.0	Khá	
714	25D4050057	Phạm Thị Ánh	Dương	10/02/2007	Quảng Trị	QTKS1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	5.0	5.7	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.3	Khá	
715	25D4050061	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	16/11/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	8.0	9.0	8.4	9.0	8.8	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.4	Khá	
716	25D4050069	Phan Thị Thanh	Hà	25/11/2007	Hà Tĩnh	QTKS1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	10.0	7.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.8	10.0	9.5	8.0	Khá	
717	25D4050071	Hồ Thị Thanh	Hạ	30/07/2007	Quảng Trị	QTKS1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	10.0	8.0	9.0	7.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.6	Khá	
718	25D4050076	Ngô Gia	Hân	28/07/2007	Quảng Nam	QTKS1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	10.0	9.5	8.4	Khá	
719	25D4050077	Trương Thanh Ngọc	Hân	13/07/2007	Quảng Trị	QTKS1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.9	Khá	
720	25D4050088	Lê Văn Anh	Hào	14/05/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.2	Khá	
721	25D4050095	Phạm Thị Thu	Hiền	18/01/2007	Ninh Bình	QTKS1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.8	Khá	
722	25D4050100	Trần Văn	Hiếu	01/01/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.6	Khá	
723	25D4050108	Trần Thị	Hợi	01/12/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.1	Khá	
724	25D4050109	Bùi Dương	Hung	11/06/2007	Quảng Bình	QTKS1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	10.0	9.5	7.7	Khá	
725	25D4050110	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	03/10/2007	TT Huế	QTKS1 K59	10.0	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	8.2	Khá	
726	25D4050112	Trần Thị Diệu	Hường	05/07/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	7.0	8.0	8.0	6.0	6.8	7.9	Khá	
727	25D4050127	Trần Ngọc Thanh	Huyền	07/11/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.7	7.3	Khá	
728	25D4050134	Ngô Thanh	Khuê	23/05/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.1	Khá	

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú		
							L1	L2					L1	L2																				
729	25D4050139	Nguyễn Thị Mỹ	Lam	13/03/2007	TT Huế	QTKS1 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	10.0	9.0	9.0	9.3	6.0	7.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	0.0	.	.		
730	25D4050140	Nguyễn Đức	Lâm	08/05/2006	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.0	Khá		
731	25D4050155	Phạm Thị Thuỳ	Linh	05/03/2007	TT Huế	QTKS1 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	9.0	9.0	9.3	7.0	7.9	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.			
732	25D4050147	Hà Thị Thuỳ	Linh	05/07/2007	Thanh Hóa	QTKS1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.			
733	25D4050150	Lê Thị Nhật	Linh	01/11/2007	TT Huế	QTKS1 K59	10.0	7.0	8.0	8.0	7.0	7.3	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.9	Khá		
734	25D4050159	Lê Thị Hồng	Loan	08/09/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.			
735	25D4050167	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	28/11/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	9.0	9.0	8.8	5.0	6.5	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	7.7	Khá		
736	25D4050169	Nguyễn Thị Phương	Ly	12/09/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	0.0	.	.			
737	25D4050180	Nguyễn Thị Hương	Mơ	27/04/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.8	Khá		
738	25D4050186	Trương Thị Diệu	My	16/04/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	7.0	9.0	8.5	9.0	8.8	8.3	Khá		
739	25D4050195	Lý Hoàng Hằng	Nga	24/09/2007	Quảng Trị	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.8	Khá		
740	25D4050201	Ngô Thị Kim	Ngân	17/11/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.			
741	25D4050209	Lê Dương Trọng	Nghĩa	01/10/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.7	Khá		
742	25D4050219	Trần Thị Như	Ngọc	07/02/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.1	Khá		
743	25D4050214	Nguyễn Lê Hồng	Ngọc	16/03/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	7.0	7.7	7.7	Khá		
744	25D4050222	Nguyễn Ngọc Thục	Nguyễn	10/09/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.9	Khá		
745	25D4050240	Lê Thị Mỹ	Nhi	30/09/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	Khá		
746	25D4050245	Nguyễn Phương	Nhi	01/12/2007	Đà Nẵng	QTKS1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	7.1	Khá		
747	25D4050241	Lê Thị Trâm	Nhi	07/06/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.8	Khá		
748	25D4050238	Huỳnh Yên	Nhi	02/07/2006	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.			
749	25D4050243	Nguyễn Đăng Thị Xuân	Nhi	06/10/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	7.0	7.0	7.5	0.0	.	.			
750	25D4050258	Phan Thị Quỳnh	Như	16/09/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.8	Khá		
751	25D4050263	Nguyễn Thị Thu	Nương	03/02/2007	Đà Nẵng	QTKS1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.6	Khá		
752	25D4050264	Nguyễn Thị Kim	Oanh	26/06/2007	Đà Nẵng	QTKS1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	7.5	Khá		
753	25D4050273	Phan Hữu	Phong	27/01/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.8	Khá		
754	25D4050287	Đỗ Tấn	Quang	05/03/2006	TT Huế	QTKS1 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	8.0	8.0	8.5	7.0	7.6	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.7	Khá	
755	25D4050299	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	25/04/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	7.2	Khá		
756	25D4050313	Lê Đình	Thái	20/01/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	7.0	7.7	7.4	Khá		
757	25D4050315	Dương Quốc	Thắng	24/07/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	7.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	7.4	Khá		
758	25D4050323	Hoàng Thị Thu	Thảo	01/07/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	8.0	8.0	8.0	8.0	0.0	.	.			
759	25D4050322	Hà Lê Phương	Thảo	15/09/2007	Quảng Bình	QTKS1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.6	Khá		
760	25D4050331	Nguyễn Ngọc	Thịnh	02/06/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.6	5.0	6.5	9.0	8.0	9.0	8.8	5.0	6.5	6.6	Trung bình		

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú		
							L1	L2					L1	L2																			TX	TX
							HP	HP1					HP	HP2																			TX	TX
761	25D4050332	Võ Trọng Đức	Thọ	26/07/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	7.0	8.0	7.8	9.0	8.5	8.0	Khá		
762	25D4050335	Đặng Thị Thanh	Thu	12/03/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	8.0	0.0	.	.			
763	25D4050343	Văn Trần Anh	Thư	27/02/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	6.0	8.0	7.8	7.0	7.3	7.7	Khá		
764	25D4050341	Trần Lê Anh	Thư	22/12/2001	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.8	Khá		
765	25D4050350	Trương Thị Thu	Thùy	27/05/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.			
766	25D4050360	Nguyễn Thùy	Trâm	17/07/2007	Quảng Nam	QTKS1 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	10.0	8.0	7.0	8.1	7.0	7.5	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.8	Khá	
767	25D4050369	Nguyễn Quỳnh	Trang	09/06/2007	Quảng Trị	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	9.0	8.4	7.0	7.6	9.0	7.0	8.0	8.0	7.0	7.4	7.4	Khá		
768	25D4050371	Nguyễn Thị Thu	Trang	04/05/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.2	Khá		
769	25D4050370	Nguyễn Thị Kiều	Trang	26/02/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	3.0	.	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	7.0	9.0	8.5	7.0	7.6	.			
770	25D4050398	Mai Văn Anh	Tuấn	20/10/2007	Quảng Ngãi	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.0	Khá		
771	25D4050402	Phạm Ngọc Cát	Tường	05/08/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.			
772	25D4050408	Lê Trần Nhã	Uyên	12/12/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	8.0	8.0	8.0	8.0	0.0	.	.			
773	25D4050405	Đỗ Thị Thanh	Uyên	27/06/2007	Quảng Nam	QTKS1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	5.0	5.7	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.3	Khá		
774	25D4050428	Phan Hà Phương	Vy	28/07/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	5.0	5.7	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.9	6.0	6.8	9.0	8.0	10.0	9.3	6.0	7.3	6.7	Trung bình		
775	25D4050429	Phan Ngọc Phương	Vy	09/10/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	7.0	8.0	7.9	7.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.7	Khá		
776	25D4050434	Trương Thị Thu	Xuân	09/11/2006	Đắk Lắk	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	6.2	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.1	Khá		
777	25D4050005	Hoàng Nữ Quỳnh	Anh	18/10/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	6.0	8.0	7.5	8.0	7.8	8.0	8.0	9.0	8.5	5.0	6.4	7.4	Khá		
778	25D4050010	Nguyễn Hùng	Anh	19/05/2007	Đà Nẵng	QTKS1 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	7.0	9.0	8.3	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.8	Khá		
779	25D4050025	Nguyễn Bảo	Châu	21/10/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.				
780	25D4050024	Hầu Dạ Minh	Châu	18/03/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.8	Khá		
781	25D4050034	Phạm Ngọc Bảo	Chi	11/08/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	9.0	9.0	8.8	6.0	7.1	7.5	Khá		
782	25D4050041	Lê Huy Tiên	Đạt	08/11/2007	Quảng Trị	QTKS1 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.3	Khá		
783	25D4050050	Nguyễn Văn	Dũng	24/07/2007	TT Huế	QTKS1 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	7.0	7.0	7.4	5.0	5.7	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.2	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.3	Khá		
784	25D4050055	Nguyễn Thị Thùy	Dương	28/07/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	5.0	5.8	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	8.0	9.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.1	Khá		
785	25D4050058	Cao Kỳ	Duyên	15/09/2007	TT Huế	QTKS1 K59	10.0	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	10.0	9.3	7.0	7.9	7.9	Khá		
786	25D4050062	Đặng Thanh	Giang	25/11/2007	Nghệ An	QTKS1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	8.0	9.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.2	Khá		
787	25D4050068	Phan Thị Khánh	Hà	03/08/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	6.0	8.0	7.3	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.			
788	25D4050075	Hồ Trần Văn	Hân	20/12/2007	TT Huế	QTKS1 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0	.	.			
789	25D4050082	Trần Thị Mỹ	Hằng	28/07/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	7.0	7.7	8.0	Khá		
790	25D4050089	Nguyễn Sanh Nhật	Hào	05/01/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.4	Khá		
791	25D4050091	Huỳnh Ngọc Thảo	Hiền	30/09/2007	TT Huế	QTKS1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	6.2	7.4	Khá		
792	25D4050094	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	28/08/2007	TT Huế	QTKS1 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	9.0	7.0	9.0	8.5	6.0	7.0	7.5	Khá		

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú										
							L1	L2					L1	L2																			HP	HP1	HP	HP2	TX	HP	HP3	TX	HP	HP4
793	25D4050115	Trần Hữu Gia	Huy	12/12/2007	TT Huế	QTKS3 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.8	Khá										
794	25D4050118	Ngô Nguyễn Thanh	Huyền	29/10/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	9.0	8.0	8.3	6.0	6.9	7.3	Khá										
795	25D4050121	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	26/07/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.6	9.0	8.9	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.											
796	25D4050133	Nguyễn Quang Anh	Khoa	08/11/2007	TT Huế	QTKS3 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.6	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.7	Khá										
797	25D4050136	Lê Thị Mỹ	Kiều	02/11/2007	Đà Nẵng	QTKS3 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	6.0	8.0	7.5	8.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.1	Khá										
798	25D4050138	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	26/08/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.7	Khá										
799	25D4050142	Nguyễn Đan	Lê	26/11/2007	Quảng Trị	QTKS3 K59	9.0	6.0	8.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.5	8.0	10.0	8.0	8.8	8.0	8.3	9.0	9.0	8.0	8.5	8.0	8.2	7.7	Khá										
800	25D4050153	Nguyễn Võ Tuệ	Linh	09/11/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	7.7	Khá										
801	25D4050152	Nguyễn Trần Khánh	Linh	30/08/2007	Đà Nẵng	QTKS3 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.3	Khá											
802	25D4050149	Lê Thị Khánh	Linh	10/08/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	8.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.8	7.9	Khá											
803	25D4050164	Lê Thị Anh	Ly	29/05/2007	Quảng Trị	QTKS3 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	9.0	8.5	6.0	7.0	7.6	Khá										
804	25D4050165	Lê Thị Cẩm	Ly	18/06/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	8.0	9.0	7.0	7.8	8.0	9.0	8.0	8.3	0.0	.	.											
805	25D4050161	Hồ Thị	Ly	20/02/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	10.0	8.0	8.8	9.0	8.9	8.0	8.0	9.0	8.5	0.0	.	.											
806	25D4050181	Phạm Hoàng Su	Mon	20/01/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.2	Khá										
807	25D4050184	Phạm Thảo	My	10/07/2007	Quảng Nam	QTKS3 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	8.0	8.0	9.0	8.5	0.0	.	.											
808	25D4050193	Võ Đại	Nam	20/07/2006	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	5.0	5.7	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.3	Khá										
809	25D4050205	Nguyễn Tô Tuyết	Ngân	27/02/2007	Ninh Bình	QTKS3 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.4	7.2	Khá										
810	25D4050223	Phan Thảo	Nguyễn	26/09/2007	TT Huế	QTKS3 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	7.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.2	Khá										
811	25D4050225	Hồ Thị Thanh	Nhân	02/09/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	7.0	7.0	7.4	3.0	.	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	8.0	9.0	9.0	8.8	8.0	8.3	.											
812	25D4050230	Lê	Nhật	25/07/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.8	Khá										
813	25D4050236	Hoàng Thị Quỳnh	Nhi	08/09/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	7.0	7.7	7.6	Khá										
814	25D4050234	Hoàng Thị Nguyệt	Nhi	16/01/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	8.0	9.0	7.0	7.8	8.0	7.9	7.7	Khá										
815	25D4050253	Trần Lê Thảo	Nhi	01/01/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.6	Khá										
816	25D4050255	Hoàng Thị Quỳnh	Như	23/07/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.0	9.0	8.5	10.0	9.4	8.2	Khá										
817	25D4050264	Lê Hoàng Linh	Ny	18/02/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	9.0	9.0	8.8	6.0	7.1	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.9	Khá										
818	25D4050271	Trần Thị Phương	Oanh	18/10/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.8	Khá										
819	25D4050278	Nguyễn Xuân	Phúc	28/07/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	6.0	6.5	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.5	Khá										
820	25D4050285	Nguyễn Ích Minh	Quân	27/12/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	7.0	7.0	7.5	8.0	7.8	7.7	Khá										
821	25D4050295	Lê Thị Ngọc	Quỳnh	03/07/2005	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.6	6.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.2	Khá										
822	25D4050302	Nguyễn Thị Sô	Ri	17/03/2007	TT Huế	QTKS3 K59	10.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	6.0	8.0	7.5	7.0	7.2	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.0	Khá										
823	25D4050305	Phạm Ngọc	Son	28/02/2007	TT Huế	QTKS3 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.0	Khá										
824	25D4050310	Nguyễn Thị Đồng	Tâm	04/09/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	0.0	.	.											

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú		
							L1	L2					L1	L2																			HP	HP1
825	25D4050317	Nguyễn Việt	Thăng	08/06/2007	TT Huế	QTKS3 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	9.0	9.0	8.0	8.5	8.0	8.2	7.8	Khá			
826	25D4050324	Lê Nguyễn Thanh	Thào	17/06/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	7.8	Khá		
827	25D4050333	Bùi Thị Kim	Thoa	06/04/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.5	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	8.0	9.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.1	Khá		
828	25D4050337	Nguyễn Hồng Kim	Thư	01/01/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	5.0	5.7	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.8	Khá		
829	25D4050344	Vũ Trần Thiên	Thư	26/08/2007	Quảng Nam	QTKS3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	8.0	9.0	8.0	8.3	6.0	6.9	7.6	Khá		
830	25D4050339	Nguyễn Võ Anh	Thư	02/12/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.8	8.0	9.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.4	Khá		
831	25D4050359	Nguyễn Bùi Khánh	Trâm	30/08/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	8.0	7.0	8.0	7.6	5.0	6.1	8.0	9.0	9.0	8.8	8.0	8.3	6.7	Trung bình		
832	25D4050363	Nguyễn Thị Bảo	Trần	04/10/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	8.0	8.0	7.0	7.5	6.0	6.6	7.7	Khá		
833	25D4050368	Ngô Nguyễn Huyền	Trang	29/12/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	9.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	7.7	Khá		
834	25D4050367	Huỳnh Thị Thuý	Trang	14/05/2007	Đà Lạt	QTKS3 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.9	Khá		
835	25D4050366	Hoàng Quỳnh	Trang	07/09/2007	Quảng Bình	QTKS3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.2	9.0	10.0	8.0	9.0	7.0	7.8	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	8.2	Khá		
836	25D4050385	Ngô Thị Mỹ	Trình	13/04/2007	Quảng Nam	QTKS3 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.7	Khá	
837	25D4050387	Văn Hoàng Tố	Trình	27/09/2007	Đà Nẵng	QTKS3 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	9.0	8.0	8.3	0.0	.	.			
838	25D4050389	Hoàng Kim	Trọng	12/07/2007	Quảng Trị	QTKS3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0				0.0	.	10.0	9.0	9.0	9.3	.	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	.	Bảo lưu		
839	25D4050397	Trần Thị Cẩm	Tú	16/09/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	8.0	8.0	9.0	8.5	0.0	.	.			
840	25D4050395	Đình Nguyễn Tuấn	Tú	28/09/2006	TT Huế	QTKS3 K59	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	9.0	7.0	6.0	7.0	7.0	7.0	8.0	9.0	9.0	8.8	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.			
841	25D4050400	Trương Khả	Tuệ	06/01/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	6.0	8.0	7.5	8.0	7.8	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.1	Khá		
842	25D4050404	Phan Thị Thanh	Tuyền	26/11/2007	TT Huế	QTKS3 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	8.0	10.0	8.0	8.8	7.0	7.7	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	7.8	Khá		
843	25D4050415	Trịnh Khánh	Vân	21/09/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.3	5.0	6.3	7.7	Khá			
844	25D4050423	Lê Thảo	Vy	04/02/2007	Đà Nẵng	QTKS3 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	7.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0	.	.			
845	25D4050425	Lê Thị Thảo	Vy	02/04/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	8.2	8.1	Khá		
846	25D4050438	Hoàng Thị Hải	Yến	31/08/2007	Quảng Trị	QTKS3 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	8.0	9.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.9	Khá		
847	25D4050440	Lê Thị Bảo	Yến	15/12/2007	TT Huế	QTKS3 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	8.0	9.0	4.0	.	9.0	8.0	9.0	8.8	6.0	7.1	.			
848	25D4050001	Cao Quảng	An	21/04/2007	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	7.0	7.8	5.0	5.8	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	8.0	9.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.2	Khá		
849	25D4050003	Đình Thị Tú	Anh	02/08/2007	Hà Tĩnh	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	9.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.0	9.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.0	Khá		
850	25D4050008	Lương Thị Quỳnh	Anh	18/02/2007	Thanh Hóa	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.2	Khá		
851	25D4050017	Trần Đức	Bảo	03/10/2007	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	9.0	9.0	5.0	6.6	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.7	Khá		
852	25D4050019	Phạm Ngọc	Bích	07/07/2007	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	7.9	Khá		
853	25D4050029	Võ Thị Minh	Châu	20/09/2007	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.4	8.0	Khá		
854	25D4050033	Lê Thị Kim	Chi	11/11/2007	Đà Lạt	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	3.0	.	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	9.0	9.0	8.8	8.0	8.3	.			
855	25D4050040	Hồ Hiền	Đạt	20/09/2007	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	8.0	8.0	9.0	8.5	10.0	9.4	7.5	Khá		
856	25D4050052	Lê Thị Thùy	Dương	15/11/2007	TT Huế	QTKS4 K59	7.0	7.0	8.0	7.4	8.0	7.8	7.0	6.0	8.0	7.0	7.0	7.0	9.0	6.0	8.0	7.5	7.0	7.2	8.0	8.0	8.0	8.0	0.0	.	.			

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KTTX		QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	CC	KT	TH	QT	ĐT	TB	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
							L1	L2					L1	L2																			HP
857	25D4050059	Đặng Thị Duyên	01/01/2007	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	6.0	8.0	7.5	5.0	6.0	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	6.8	Trung bình		
858	25D4050067	Phạm Đỗ Bích Hà	17/10/2007	Đi Núi	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	6.0	8.0	7.5	9.0	8.4	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	Khá		
859	25D4050092	Lê Thị Diệu Hiền	27/11/2007	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	8.0	9.0	8.0	8.4	8.0	9.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.2	Khá		
860	25D4050090	Đoàn Thị Kim Hiền	03/11/2007	Quảng Trị	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	9.0	9.4	6.0	7.4	8.0	9.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.1	Khá		
861	25D4050107	Phan Văn Huy Hoàng	15/09/2007	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	9.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.2	Khá		
862	25D4050126	Trần Ngọc Khánh Huyền	04/09/2007	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	6.0	9.0	8.0	7.9	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0	.	.			
863	25D4050117	Lê Thị Mỹ Huyền	14/10/2007	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	10.0	8.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.0	8.0	8.0	0.0	.	.			
864	25D4050132	Nguyễn Anh Khoa	04/09/2007	Quảng Nam	QTKS4 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	9.0	7.0	7.0	7.4	3.0	.	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	9.0	9.0	8.0	8.5	9.0	8.8	.			
865	25D4050137	Ngô Thị Phan Kiều	23/07/2007	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	10.0	8.0	8.8	7.0	7.7	8.0	9.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.0	Khá		
866	25D4050141	Đào Duy Quang Lê	16/02/2005	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.7	Khá		
867	25D4050143	Bùi Nữ Phương Linh	26/09/2007	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	8.0	8.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.7	Khá		
868	25D4050162	Hoàng Thị Cẩm Ly	19/07/2007	Nghệ An	QTKS4 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	8.0	Khá		
869	25D4050179	Phạm Ngọc Minh	18/03/2007	Thanh Hóa	QTKS4 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	8.0	9.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.3	Khá		
870	25D4050182	Hà Thảo My	09/10/2007	Quảng Trị	QTKS4 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	8.0	9.0	8.0	8.3	10.0	9.3	8.0	Khá		
871	25D4050211	Cao Thị Như Ngọc	18/10/2007	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	8.0	9.0	7.0	7.8	8.0	9.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.2	Khá		
872	25D4050220	Lê Hoài Thảo Nguyễn	10/07/2007	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	10.0	8.0	9.0	3.0	.	8.0	8.0	9.0	8.5	5.0	6.4	.			
873	25D4050231	Bùi Thị Yên Nhi	02/01/2006	TT Huế	QTKS4 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	8.0	8.0	8.0	8.0	5.0	6.2	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	7.9	Khá		
874	25D4050233	Hồ Thị Hải Nhi	29/08/2007	Hà Tĩnh	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	8.0	8.0	9.0	8.5	6.0	7.0	7.8	Khá		
875	25D4050256	Nguyễn Thị Thanh Như	09/02/2007	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	10.0	8.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	8.8	8.4	Khá		
876	25D4050267	Nguyễn Thị Kim Oanh	15/04/2007	Quảng Trị	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	9.0	9.0	8.8	9.0	8.9	8.3	Khá		
877	25D4050274	Văn Chí Phong	25/01/2007	TT Huế	QTKS4 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	7.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	8.0	9.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.7	Khá		
878	25D4050284	Phan Lê Anh Phương	13/10/2007	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	10.0	9.0	9.1	8.0	8.5	8.0	8.0	9.0	8.5	7.0	7.6	8.0	Khá		
879	25D4050292	Đỗ Thị Bé Quỳnh	28/07/2007	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	9.0	10.0	8.0	9.0	5.0	6.6	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.4	Khá		
880	25D4050308	Nguyễn Thành Tài	30/01/2007	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.6	7.5	Khá		
881	25D4050321	Cao Thị Thu Thảo	18/09/2007	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	5.0	6.5	9.0	9.0	8.0	8.5	9.0	8.8	7.9	Khá		
882	25D4050329	Nguyễn Lê Thiên	29/11/2007	Quảng Trị	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	8.0	8.0	9.0	8.5	0.0	.	.			
883	25D4050336	Hồ Quỳnh Thư	18/08/2007	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	6.0	7.0	7.0	7.0	7.0	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	0.0	.	.		
884	25D4050358	Lê Thị Ngọc Trâm	18/01/2007	TT Huế	QTKS4 K59	10.0	8.0	7.0	8.0	7.0	7.3	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	7.0	8.0	7.9	4.0	.	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	.			
885	25D4050365	Hồ Quỳnh Trang	08/03/2007	Nghệ An	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	8.0	9.0	8.5	5.0	6.4	7.5	Khá		
886	25D4050390	Hà Nguyễn Thanh Trúc	17/01/2007	TT Huế	QTKS4 K59				0.0	.	.				0.0	.	.				0.0	.	.	8.0	9.0	6.5		.	.			Báo lưu	
887	25D4050401	Nguyễn Lê Cát Tường	28/03/2007	TP. HCM	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.8	5.0	6.5	7.5	Khá		
888	25D4050409	Nguyễn Phan Nhật Uyên	22/10/2007	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	9.0	9.0	9.0	5.0	6.6	7.7	Khá		


TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú	
							L1	L2					L1	L2																			
889	25D405041	Phạm Bảo Phương	Uyên	16/06/2007	TT Huế	QTKS4 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	8.0	9.0	9.0	8.8	0.0	.	.		
890	25D405042	Hồ Hoàng Ngọc	Vy	29/04/2007	ĐBĐ Nông	QTKS4 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	9.0	9.0	8.0	8.5	8.0	8.2	7.5	Khá	
891	25D406001	Trần Phúc Thùy	An	30/07/2007	Quảng Bình	QTNH&DVAU1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.1	Khá	
892	25D406005	Phạm Thị Kim	Anh	21/10/2007	Già Lai	QTNH&DVAU1 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	10.0	9.0	8.0	8.8	8.0	8.2	10.0	9.0	9.0	9.3	8.0	8.5	10.0	9.0	8.0	8.8	9.0	8.9	8.2	Khá	
893	25D406002	Nguyễn Ngọc Bảo	Anh	15/07/2007	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	10.0	5.0	9.0	7.8	8.0	7.9	10.0	9.0	9.0	9.3	9.0	9.1	8.3	Khá	
894	25D406007	Nguyễn Hoàng	Bách	17/11/2007	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	6.0	9.0	7.9	5.0	6.2	9.0	8.0	6.0	7.3	8.0	7.7	7.0	Khá	
895	25D406011	Trần An	Bình	04/06/2007	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0	.	.		
896	25D406014	Đỗ Thị Kim	Chi	01/08/2007	Quảng Bình	QTNH&DVAU1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.2	Khá	
897	25D406015	Lê Văn	Cường	11/02/2007	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	3.0	.	9.0	7.0	8.0	8.0	0.0	.	.		
898	25D406017	Nguyễn Hồ Hoàng	Đạt	31/03/2007	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	9.0	9.0	9.0	3.0	.	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	.		
899	25D406019	Phan Thị Hồng	Diễm	15/05/2007	Quảng Nam	QTNH&DVAU1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	7.9	Khá	
900	25D406022	Trần Thị Thủy	Diệu	19/11/2006	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0	.	.		
901	25D406023	Huỳnh Xuân	Dũng	07/10/2007	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	7.0	8.0	7.9	9.0	8.6	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	8.0	Khá	
902	25D406029	Huỳnh Thị Thu	Hà	16/07/2007	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	10.0	7.0	8.0	8.0	6.0	6.6	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	10.0	9.0	9.0	9.3	8.0	8.5	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	7.5	Khá	
903	25D406030	Hồ Thanh	Hải	12/10/2005	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	5.0	6.0	6.0	8.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.6	1.0	.	9.0	8.0	9.0	8.8	5.0	6.5	.		
904	25D406031	Lê Hữu	Hải	23/09/2007	Quảng Nam	QTNH&DVAU1 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	5.0	5.8	8.0	6.0	6.0	6.4	8.0	7.5	9.0	9.0	8.0	8.6	1.0	.	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	.		
905	25D406032	Nguyễn Huỳnh Bảo	Hân	07/07/2007	Quảng Nam	QTNH&DVAU1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.6	7.0	7.2	9.0	6.0	9.0	7.9	7.0	7.4	9.0	8.0	9.0	8.8	0.0	.	.		
906	25D406035	Hoàng Thị Mỹ	Hạnh	26/11/2007	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	10.0	7.0	8.0	8.3	8.0	8.1	8.0	Khá	
907	25D406036	Lê Quốc	Hào	15/02/2007	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	6.0	6.0	6.4	8.0	7.5	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0	.	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	.		VPOC Hp3
908	25D406039	Nguyễn Thị Thúy	Hoa	14/03/2007	Quảng Nam	QTNH&DVAU1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.2	9.0	8.8	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.8	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	8.1	Khá	
909	25D406042	Hoàng Phi	Hùng	28/09/2007	Quảng Bình	QTNH&DVAU1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	6.0	7.4	7.0	7.1	9.0	7.0	8.0	7.9	8.0	8.0	9.0	5.0	9.0	8.0	9.0	8.6	7.9	Khá	
910	25D406045	Huỳnh Quốc	Hung	08/03/2007	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	8.0	7.0	7.0	7.2	7.0	7.1	9.0	9.0	9.0	9.0	1.0	.	9.0	8.0	8.0	8.3	5.0	6.3	.		
911	25D406044	Dương Đình Ngọc	Hung	11/08/2007	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.6	9.0	8.0	9.0	8.6	2.0	.	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	.		
912	25D406046	Hoàng Nguyễn Công	Huy	01/11/2007	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.2	6.0	6.4	6.0	8.0	8.0	7.5	2.0	.	9.0	8.0	9.0	8.8	9.0	8.9	.		
913	25D406047	Hoàng Vũ Nhật	Huy	08/08/2007	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	6.0	7.4	7.0	7.1	9.0	9.0	8.0	8.6	6.0	7.1	7.0	5.0	8.0	7.0	0.0	.	.		
914	25D406050	Ngô Thị Diệu	Huyền	28/11/2006	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	5.0	6.5	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	7.4	Khá	
915	25D406054	Tào Mai	Khanh	03/06/2007	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	5.0	9.0	7.5	8.0	7.8	9.0	9.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.0	Khá	
916	25D406055	Huỳnh Anh	Khoa	16/01/2007	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	6.0	6.0	6.4	8.0	7.5	9.0	9.0	8.0	8.6	1.0	.	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.3	.		
917	25D406065	Tôn Nữ Khánh	Linh	03/04/2007	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0	6.6	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	6.0	9.0	8.3	7.0	7.5	7.4	Khá	
918	25D406071	Lê Thị	Ly	19/04/2007	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	7.8	Khá	
919	25D406070	Lê Khánh	Ly	15/02/2007	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.8	Khá	
920	25D406073	Nguyễn Nhật	Minh	14/02/2007	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	6.0	9.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.0	8.8	8.0	8.3	7.8	Khá		

TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú
							L1	L2					L1	L2																		
953	25D4060164	Nguyễn Văn Xuyên	24/03/2007	TT Huế	QTNH&DVAU1 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	8.0	5.0	6.0	6.0	8.0	7.4	9.0	9.0	8.0	8.6	5.0	6.5	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.3	Khá	
954	25D4060003	Nguyễn Thị Kim Anh	10/08/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	9.0	8.4	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	8.0	8.0	8.3	10.0	9.3	8.3	Khá	
955	25D4060008	Nguyễn Việt Bách	18/01/2007	Hà Nội	QTNH&DVAU2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	6.0	6.4	9.0	8.0	5.0	7.0	5.0	5.6	9.0	5.0	8.0	7.1	7.0	7.1	9.0	5.0	8.0	7.5	0.0	.	.		
956	25D4060010	Đường Minh Quốc Bảo	30/10/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	5.0	7.0	6.6	6.0	6.2	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	8.0	7.0	8.0	7.8	9.0	8.5	7.4	Khá	
957	25D4060013	Trần Thị Châu	03/03/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	7.0	8.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.0	7.0	7.8	0.0	.	.		
958	25D4060016	Nguyễn Cửu Thành Đạt	15/08/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	9.0	8.5	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.3	7.7	Khá	
959	25D4060020	Nguyễn Chí Điển	18/09/2007	Quảng Trị	QTNH&DVAU2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	4.0	.	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	9.0	8.6	2.0	.	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	.		
960	25D4060025	Trần Thị Thùy Dương	11/05/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	7.0	8.3	8.0	8.1	9.0	9.0	7.0	8.0	0.0	.	.		
961	25D4060041	Võ Quang Hoàng	12/05/2006	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	3.0	.	8.0	6.0	7.0	6.8	8.0	7.6	9.0	9.0	8.0	8.6	0.0	.	9.0	7.0	8.0	8.0	9.0	8.6	.		
962	25D4060053	Huỳnh Nhật Khanh	03/01/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	2.0	.	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	.		
963	25D4060056	Nguyễn Văn Trung Kiên	07/11/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	9.0	9.0	6.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.2	Khá	
964	25D4060057	Nguyễn Việt Kiều	02/12/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	9.0	9.0	9.0	7.0	7.6	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	10.0	8.0	9.0	9.0	8.0	8.4	8.0	Khá	
965	25D4060060	Lê Thị Mỹ Liên	13/09/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.7	9.0	7.0	8.0	7.9	8.0	8.0	9.0	8.0	7.0	7.8	9.0	8.5	8.2	Khá	
966	25D4060064	Ngô Khánh Linh	29/04/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	9.0	8.0	8.6	9.0	8.9	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.3	8.0	Khá	
967	25D4060074	Nguyễn Quang Minh	22/01/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	7.0	7.8	6.0	6.5	9.0	10.0	8.0	9.0	9.0	9.0	8.0	7.0	9.0	8.3	9.0	8.7	8.0	Khá	
968	25D4060077	Hoàng Vũ Thanh Ngân	02/09/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.2	10.0	9.0	7.0	8.5	8.0	8.2	9.0	9.0	7.0	8.0	9.0	8.6	8.3	Khá	
969	25D4060081	Phan Thị Hồng Ngọc	25/06/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	7.9	Khá	
970	25D4060087	Phạm Minh Nhật	16/01/2006	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	7.0	7.4	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	3.0	.	10.0	8.0	8.0	8.5	8.0	8.2	.		
971	25D4060085	Lê Hồng Nhật	11/07/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	8.0	6.0	6.0	6.4	8.0	7.5	9.0	9.0	8.0	8.6	7.0	7.7	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	7.7	Khá	
972	25D4060089	Trần Quốc Nhật	11/11/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	9.0	7.0	9.0	8.5	8.0	8.2	7.7	Khá	
973	25D4060103	Nguyễn Thị Quỳnh Như	06/11/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	8.0	8.0	7.0	7.6	8.0	7.9	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	7.9	Khá	
974	25D4060108	Lê Thị Thanh Phương	03/06/2003	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	9.0	5.0	7.0	6.8	9.0	8.1	10.0	9.0	7.0	8.3	8.0	8.1	8.0	Khá	
975	25D4060112	Hồ Thị Như Quỳnh	26/04/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	7.0	9.0	8.0	7.0	7.3	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	6.0	9.0	8.3	9.0	8.7	7.8	Khá	
976	25D4060116	Đoàn Đại Sĩ	25/09/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	6.0	6.7	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.6	9.0	8.0	9.0	8.6	6.0	7.1	9.0	7.0	7.0	7.5	9.0	8.4	7.4	Khá	
977	25D4060124	Hồ Nhật Minh Thảo	03/06/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	8.0	7.0	7.0	7.2	9.0	8.5	9.0	8.0	7.0	7.9	9.0	8.6	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	8.0	Khá	
978	25D4060127	Nguyễn Thị Thom	26/05/2007	Hà Tĩnh	QTNH&DVAU2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	9.0	8.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.9	Khá	
979	25D4060128	Phan Thị Anh Thư	13/02/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	10.0	8.0	8.0	8.4	8.0	8.1	9.0	8.0	8.0	8.2	8.0	8.1	10.0	6.0	8.0	7.8	7.0	7.3	10.0	8.0	8.0	8.5	5.0	6.4	7.5	Khá	
980	25D4060129	Trần Thị Thanh Thư	25/08/2007	Kon Tum	QTNH&DVAU2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	7.0	8.0	7.6	9.0	8.6	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	9.0	8.0	7.0	7.8	5.0	6.1	7.8	Khá	
981	25D4060134	Hồ Văn Tiến	05/10/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	10.0	8.0	9.0	9.0	9.0	8.0	7.0	8.0	7.8	8.0	7.9	8.0	Khá	
982	25D4060136	Phan Thị Ngọc Trâm	06/02/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	8.0	7.0	7.6	7.0	7.2	9.0	8.0	9.0	8.6	8.0	8.3	9.0	8.0	8.0	8.3	0.0	.	.		
983	25D4060140	Nguyễn Hoàng Thùy Trang	11/07/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	7.0	8.0	7.6	8.0	7.9	9.0	5.0	7.0	6.8	8.0	7.5	9.0	8.0	7.0	7.8	0.0	.	.		
984	25D4060144	Nguyễn Thị Thùy Triều	20/01/2007	TT Huế	QTNH&DVAU2 K59	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	7.0	7.9	9.0	8.6	9.0	9.0	8.0	8.5	9.0	8.8	8.2	Khá	


TT	Mã SV	Họ và Tên	Ng. sinh	Nơi sinh	Lớp	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP1	CC	KTTX		QT	ĐT HP	TB HP2	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP3	CC	KT TX	TH	QT	ĐT HP	TB HP4	TBC	Xếp loại	Ghi chú
							L1	L2					L1	L2																		
985	25D4060146	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	17/06/2007	TT Huế	QTNH&EDVAU2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	7.0	8.0	7.9	7.0	7.4	9.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.9	7.7	Khá	
986	25D4060149	Nguyễn Văn Trường	05/11/2007	TT Huế	QTNH&EDVAU2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	7.0	7.4	8.0	6.0	6.0	6.4	8.0	7.5	9.0	8.0	8.0	8.3	4.0	.	9.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.7	.		
987	25D4060148	Dương Huỳnh Quang Trường	17/08/2007	TT Huế	QTNH&EDVAU2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	10.0	8.0	9.0	7.0	7.8	8.0	7.0	8.0	7.8	5.0	6.1	7.1	Khá	
988	25D4060151	Võ Công Minh Tuệ	21/08/2007	TT Huế	QTNH&EDVAU2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	8.0	7.8	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	8.0	8.0	8.3	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	10.0	9.2	7.9	Khá	
989	25D4060158	Lê Hữu Quang Vinh	06/12/2006	TT Huế	QTNH&EDVAU2 K59	9.0	8.0	8.0	8.2	5.0	6.0	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	6.0	6.9	9.0	8.0	9.0	8.8	8.0	8.3	7.1	Khá	
990	25D4060159	Huỳnh Minh Thanh Vũ	18/04/2007	TT Huế	QTNH&EDVAU2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	9.0	8.0	7.0	7.8	7.0	7.2	9.0	10.0	8.0	9.0	7.0	7.8	9.0	7.0	9.0	8.5	6.0	7.0	7.3	Khá	
991	25D4060160	Lê Đại Vương	30/03/2007	Thanh Hóa	QTNH&EDVAU2 K59	9.0	7.0	8.0	7.8	7.0	7.2	8.0	7.0	6.0	6.8	8.0	7.6	9.0	8.0	9.0	8.6	1.0	.	9.0	7.0	8.0	8.0	5.0	6.2	.		
992	25D4060166	Trần Thị Kim Yến	16/09/2007	TT Huế	QTNH&EDVAU2 K59	9.0	7.0	7.0	7.4	7.0	7.1	8.0	7.0	7.0	7.2	8.0	7.8	9.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	9.0	8.0	7.0	7.8	5.0	6.1	7.3	Khá	

Ấn định danh sách 992 sinh viên

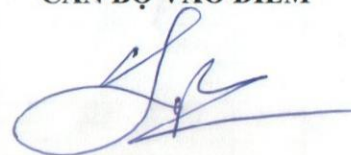
Huế, ngày 20 tháng 4 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

 Nguyễn Xuân Thiện

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐT, QLSV


 Vũ Thị Chung

CÁN BỘ VÀO ĐIỂM


 Hoàng Thị Lý